

LƯƠNG VĂN VIỆT (Tổng Chủ biên)

NGUYỄN THỊ TIẾN (Chủ biên)

ĐẶNG VĂN BÌNH – NGUYỄN THỊ THU THANH – NGUYỄN THANH THỦY

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH
HẢI DƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

	Lời nói đầu	4
Chủ đề 1	LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HẢI DƯƠNG TỪ THỜI TIỀN SỬ ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X	5
	Người Việt cổ trên đất Hải Dương	6
	Hải Dương trong thời kì Văn Lang – Âu Lạc	9
	Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc (thế kỉ II TCN – đầu thế kỉ X)	12
Chủ đề 2	VĂN HOÁ HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ X: THÀNH TỰU VÀ BẢN SẮC	16
	Một số di sản văn hoá tiêu biểu của Hải Dương trước thế kỉ X	17
	Văn hoá Hải Dương trước thế kỉ X	20
Chủ đề 3	VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN	23
	Vị trí địa lí và giới hạn hành chính	24
	Đặc điểm tự nhiên	28
Chủ đề 4	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	46
	Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Hải Dương	47
	Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở Hải Dương	50
	Hậu quả của ô nhiễm môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Hải Dương	55
Chủ đề 5	TRUYỆN CỔ DÂN GIAN HẢI DƯƠNG	58
	Khái lược về văn học dân gian Hải Dương và truyện cổ dân gian Hải Dương	59
	Một số truyện dân gian Hải Dương	63

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương lớp 6 sẽ giúp các em học sinh đầu cấp Trung học cơ sở tiếp cận và khám phá các vấn đề về văn hoá, lịch sử truyền thống, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị – xã hội, môi trường của xứ Đông xưa, Hải Dương nay.

Với 5 chủ đề được Ban biên soạn lựa chọn kĩ lưỡng, bám sát mục tiêu, yêu cầu của nội dung giáo dục địa phương, các em sẽ có cơ hội tìm hiểu, trải nghiệm, khám phá vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên; lịch sử hình thành và phát triển; thành tựu và bản sắc của văn hoá tỉnh Hải Dương trước thế kỉ X; đặc sắc của truyện cổ dân gian Hải Dương và bảo vệ môi trường tự nhiên của tỉnh.

Thông qua các hoạt động khám phá tri thức, các em có điều kiện phát huy, phát triển một số năng lực cốt lõi và phẩm chất chủ yếu cần có của học sinh trung học cơ sở. Qua đó, bồi dưỡng niềm tự hào, tình yêu quê hương, ý thức giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống của quê hương; vận dụng những điều đã học vào giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tế của quê hương, góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên tại tỉnh Hải Dương nói riêng, cả nước nói chung.

Trong quá trình biên soạn, tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các em học sinh để **Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương lớp 6** ngày càng có chất lượng tốt hơn.

Ban biên soạn

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương lớp 6 được biên soạn gồm 5 chủ đề thuộc các lĩnh vực địa lí, lịch sử và ngữ văn; mỗi lĩnh vực có đặc điểm riêng. Các em cần bám sát đặc trưng của từng môn học để tìm hiểu, khám phá và chiếm lĩnh tri thức.

Mỗi phần, mỗi bài học cụ thể của chủ đề thường bắt đầu bằng các nhiệm vụ, tình huống cần giải quyết để các em kết nối với tri thức đã biết và tiếp tục tìm kiếm, thu thập thông tin cần thiết trước, trong và sau khi tìm hiểu mỗi bài học và cả chủ đề.

Phần hình thành kiến thức, đọc hiểu văn bản được thể hiện sinh động qua kênh chữ, kênh hình và một số hình ảnh minh họa. Những câu hỏi, hoạt động, hướng dẫn giúp các em tự tin khám phá kiến thức về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên; lịch sử hình thành và phát triển, thành tựu và bản sắc văn hoá của Hải Dương trước thế kỉ X; đặc sắc của truyện cổ dân gian Hải Dương,...

Phần thực hành, luyện tập là những câu hỏi, bài tập nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn kĩ năng nhận diện, nhận xét, đánh giá, bước đầu giải quyết một số vấn đề có liên quan.

Phần vận dụng, mở rộng, tìm tòi, sáng tạo là những gợi ý, yêu cầu, định hướng để các em kết nối tri thức của địa phương Hải Dương với tri thức chung của dân tộc và thế giới; kết nối kiến thức nội môn, liên môn một cách chủ động, sáng tạo nhằm hình thành các phẩm chất chủ yếu, phát triển các năng lực cốt lõi, sở trường, năng khiếu của mỗi cá nhân một cách hiệu quả nhất.

Chúc các em tự giác, tự chủ, tự tin và sáng tạo trong học tập để đạt kết quả tốt nhất.

Các tác giả

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Khởi động



Hình thành kiến thức



Luyện tập, vận dụng



Em có biết?

Hãy bảo quản, giữ gìn tài liệu để có thể dành tặng cho các em học sinh lớp sau nhé!

CHỦ ĐỀ 1

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HẢI DƯƠNG TỪ THỜI TIỀN SỬ ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X

MỤC TIÊU

- Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của Hải Dương từ thời tiền sử đến thế kỉ X.
- Nhận xét được lịch sử hình thành và phát triển của Hải Dương so với lịch sử dân tộc.
- Giới thiệu được về một di tích, di vật hoặc địa danh tiêu biểu ở địa phương có liên quan đến thời kì này.



Hang Thánh Hoá (phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn)



NGƯỜI VIỆT CỔ TRÊN ĐẤT HẢI DƯƠNG



Người Việt cổ đã xuất hiện và để lại dấu tích ở nhiều nơi trên dải đất Việt Nam. Vùng đất Hải Dương có dấu tích của người Việt cổ không?



1 Dấu tích của người Việt cổ trên đất Hải Dương

Hải Dương là vùng đất phía đông đồng bằng Bắc Bộ, được bồi đắp bởi phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình, khí hậu tương đối ôn hoà và địa hình đa dạng, thuận lợi cho con người sinh sống ngay từ buổi đầu lịch sử.

Tại hang Thánh Hoá (phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn) và hang Dê (phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn), các nhà khảo cổ học phát hiện được sọ và răng người tối cổ hoá thạch có niên đại khoảng 50 000 đến 30 000 năm cách ngày nay. Điều này chứng tỏ từ thời kì đồ đá, Hải Dương đã có người tối cổ sinh sống.

Những dấu tích khảo cổ học nào khẳng định người Việt cổ đã sinh sống tại vùng đất Hải Dương?



Hình 1. Di cốt người tối cổ tìm thấy tại hang Dê (thị xã Kinh Môn)



Hình 2. Răng của loài đười ươi cổ (Pongo) được tìm thấy ở núi Nhấm Dương (thị xã Kinh Môn)

Đến thời kì văn hoá Đông Sơn, dấu tích con người được tìm thấy ở hầu hết các huyện trên địa bàn tỉnh.



Hình 3. Lược đồ tỉnh Hải Dương



Hệ thống mũi tên đồng, giáo đồng và rìu đồng được tìm thấy tại hang Tối (núi Nhắm Dương, thị xã Kinh Môn). Hệ thống mộ thuyền cùng với nhiều đồ tùy táng bằng đồng, mái chèo và đồ gốm được tìm thấy tại nhiều địa phương (thị xã Kinh Môn, thành phố Chí Linh, huyện Nam Sách, huyện Kim Thành, huyện Gia Lộc,...). Trống đồng được tìm thấy tại huyện Thanh Hà và Tứ Kỳ,...



Hình 4. Trống đồng được phát hiện tại xã An Lương (huyện Thanh Hà)



Hình 5. Trống đồng được phát hiện tại xã Hà Thanh (huyện Tứ Kỳ)

Những dấu tích trên cho thấy đến thời đại kim khí, trên vùng đất Hải Dương đã hình thành cộng đồng người. Họ sinh sống dọc theo dòng chảy của sông Kinh Thầy, xuôi về Hải Phòng ra biển.

Sự có mặt và phát triển của người Việt liên tục từ thời tiền sử đến thời đại kim khí đã khẳng định Hải Dương là một trong cái nôi của người Việt cổ trên đất nước Việt Nam. Người Việt cổ tại Hải Dương từ chỗ sinh sống ở các vùng có địa hình núi như Chí Linh, Kinh Môn đã dần tiến xuống chinh phục đồng bằng, dọc theo các dòng sông trên đất Hải Dương.

2 Hoạt động kinh tế của người Việt cổ trên đất Hải Dương

Trong thời kì đồ đá, theo các di vật khảo cổ tại Nhãm Dương, người Việt cổ ở Hải Dương chủ yếu sinh sống bằng hoạt động khai thác tự nhiên, trong đó, hái lượm và săn bắt đóng vai trò chính.

Đến thời đại kim khí, những hiện vật tìm thấy trong các mộ táng cho thấy hoạt động kinh tế của người Việt cổ ở Hải Dương rất phong phú. Các hoạt động chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, luyện kim, làm gốm và đánh bắt cá.

Nguồn sống của người Việt cổ tại Hải Dương là gì?



- 1 Điều kiện tự nhiên của Hải Dương xưa có những thuận lợi gì cho người Việt cổ sinh sống?
- 2 Suy tầm hình ảnh và giới thiệu về các hiện vật khảo cổ học được tìm thấy tại Hải Dương thời kì này.



HẢI DƯƠNG TRONG THỜI KÌ VĂN LANG - ÂU LẠC



Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc là thời kì đầu dựng nước, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của đất nước Việt Nam. Hải Dương và cư dân Hải Dương đã có sự phát triển như thế nào trong thời kì này?



Nêu sự phát triển của vùng đất Hải Dương trong thời kì Văn Lang – Âu Lạc.

1 Dấu tích lịch sử Hải Dương thời kì Văn Lang – Âu Lạc

Thời kì nhà nước Văn Lang – Âu Lạc (từ thế kỉ VII đến thế kỉ II TCN), vùng đất Hải Dương thuộc Bộ Dương Tuyền, 1 trong 15 Bộ của cả nước, có trung tâm là Thành Dền (nay thuộc thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương).



Bộ Dương Tuyền gồm vùng đất của Hải Dương; huyện Mỹ Hào (Hưng Yên); các huyện Vĩnh Bảo, An Hải, An Lão, Đồ Sơn và các quận Ngô Quyền, Lê Chân, Hồng Bàng (Hải Phòng); huyện Đông Triều (Quảng Ninh) hiện nay.

Hải Dương ngày nay có nhiều di tích lịch sử – văn hoá (đình, đền, miếu) thờ các tướng lĩnh thời Hùng Vương, điển hình là: đền Bảo Sài (phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương) thờ công chúa Tiên Dung và họ Chử; đình Lễ Quán (phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương) và đình làng Mai Trung (xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng) thờ Thực Phán An Dương Vương.

Thời kì này, người Việt đã định cư rộng khắp các vùng đất của Hải Dương, từ đó hình thành các làng cổ.



Dấu tích của các làng cổ còn để lại tại các địa phương: Chí Linh (có làng cổ Dưộc Sơn và Hàm Ếch); Kinh Môn (có làng cổ Đồi Thông, Duy Tân, Nhấm Dương); Kim Thành (có làng cổ Dương Xá); Ninh Giang (có làng cổ Bồ Dương),...



Hình 6. Cụm di tích đền, đình, chùa Bảo Sài (thành phố Hải Dương)

2 Hoạt động kinh tế của người Việt ở Hải Dương thời kì Văn Lang – Âu Lạc

Hoạt động kinh tế của người Dương Tuyền ngày càng phong phú. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa nước, đánh bắt cá và chăn nuôi. Bên cạnh đó, nhiều nghề thủ công cũng phát triển mạnh mẽ như làm gốm, dệt, mộc, đan lát, luyện kim,...

Số lượng công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt và các hiện vật khảo cổ trong các di tích văn hoá



Hình 7. Công cụ lao động bằng đồng được phát hiện tại Nhấm Dương (thị xã Kinh Môn)

Đồng Sơn tại Hải Dương cho thấy Hải Dương thời Văn Lang – Âu Lạc có nền nông nghiệp tương đối toàn diện; chăn nuôi phát triển; kĩ thuật đúc đồng đạt đến đỉnh cao.

Sự phát triển của trồng trọt và chăn nuôi là bước tiến quan trọng của kinh tế Hải Dương thời kì này: chuyển từ kinh tế phụ thuộc vào tự nhiên sang kinh tế sản xuất.



Hình 8. Công cụ lao động bằng đồng được phát hiện tại Nhẩm Dương (thị xã Kinh Môn)



Hình ảnh bông lúa trên trống đồng; hệ thống đồ đựng bằng gốm, đồng và đồ đun nấu được phát hiện tại Hải Dương thời Văn Lang – Âu Lạc khẳng định hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Hải Dương đã rất phát triển. Nghề chăn nuôi cũng đã phổ biến, thể hiện qua hình khắc hoạ muông thú trên đồ đồng; hình chó săn hươu khắc trên rìu đồng tại Nhẩm Dương.



- 1** Nêu những minh chứng khẳng định kinh tế Hải Dương đã chuyển sang kinh tế sản xuất ở thời kì Văn Lang – Âu Lạc.
- 2** Suu tầm tư liệu và giới thiệu về một di tích gắn với thời Văn Lang – Âu Lạc tại Hải Dương.



HẢI DƯƠNG TRONG THỜI KÌ BẮC THUỘC (THẾ KỈ II TCN - ĐẦU THẾ KỈ X)



Từ năm 179 TCN, nước Âu Lạc mất quyền độc lập trước cuộc xâm lược của nhà Triệu và bị đặt dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc. Song, trong suốt hơn 1 000 năm Bắc thuộc, dân tộc ta không ngừng đấu tranh kiên cường, bền bỉ để giành lại độc lập, tự do. Trong dòng chảy lịch sử đó, Hải Dương có những thay đổi gì? Nhân dân Hải Dương đã tham gia vào các cuộc đấu tranh của dân tộc như thế nào?



1 Tình hình kinh tế – xã hội Hải Dương thời Bắc thuộc

Dưới thời Bắc thuộc, Hải Dương có nhiều thay đổi về tên gọi. Thời gian đầu, bộ Dương Tuyền thuộc cấp huyện, nằm trong quận Giao Chỉ. Đến thời nhà Đường đô hộ (năm 681 – 907), Hải Dương thuộc trấn Hải Môn, sau đó đổi thành đất Hồng Châu. Thành Dền được chính quyền đô hộ xây dựng thành trị sở tại vùng đất Hải Dương.

Do sự du nhập và phát triển của công cụ đồ sắt cùng với kĩ thuật canh tác tiến bộ, hoạt động sản xuất nông nghiệp tại Hải Dương thời kì này phát triển mạnh. Bên cạnh đó, các nghề thủ công như: đúc đồng, rèn sắt, dệt vải, dệt chiếu, sản xuất đồ gốm, gạch nung, ... cũng phổ biến rộng khắp trên các địa phương của Hải Dương.

*Kinh tế, xã hội
Hải Dương có
những chuyển
biến gì dưới thời
Bắc thuộc?*



Hình 9. Mộ cuốn vòm tại huyện Nam Sách có niên đại năm 129 sau Công nguyên

Hoạt động chiếm đất đai, lập trang trại, đồn điền của địa chủ, quan lại người Hán đã thúc đẩy sự phân hoá mạnh mẽ trong xã hội, dẫn đến sự hình thành một tầng lớp địa chủ có thế lực tại Hải Dương.

Dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc, nhân dân Hải Dương bị bóc lột bởi thuế khoá, tạp dịch cùng sự nô dịch về văn hoá. Vì vậy, các tầng lớp nhân dân đã nổi dậy, cùng cả nước đấu tranh giành độc lập và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

2 Nhân dân Hải Dương trong công cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc

Thời kì khởi nghĩa Hai Bà Trưng, cuộc đấu tranh ở vùng đất Hải Dương có sự tham gia của đông đảo tầng lớp nhân dân trên tất cả các địa bàn. Tiêu biểu là lực lượng của các tướng quân Thiện Nhân, Thiện Khánh; tướng quân Trương Mỹ.

Tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Hải Dương thời Bắc thuộc thể hiện như thế nào?



Hình 10. Đình Huê Trì (phường An Phú, thị xã Kinh Môn)
thờ hai nữ tướng Thiện Nhân, Thiện Khánh



Theo sử liệu, khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa, hai nữ tướng Thiện Nhân và Thiện Khánh được giao nhiệm vụ trấn giữ Hải Đông. Hai chị em nhanh chóng chiêu mộ lực lượng, lập đại bản doanh tại Huê Trì. Sau thất bại của thái thú Tô Định, vua Hán Quang Vũ sai Phục Ba tướng quân Mã Viện tiếp tục đem quân sang. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch nên nghĩa quân bị đánh bại. Hai nữ tướng rút về Huê Trì và tử tiết tại đó.

Trương Mỹ là vị tướng văn võ song toàn. Lực lượng của ông được giao tiến đánh theo đường thủy, lập đồn trại ở Bạch Đằng Giang, góp công lớn vào chiến thắng của khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Trong cuộc khởi nghĩa của Lý Bí (năm 542 – 544), nhân dân Hải Dương tích cực tham gia đấu tranh chống quân Lương dưới sự lãnh đạo của danh tướng Lý Quốc Bảo.



Lý Quốc Bảo là cháu ruột của Lý Bí, được giao chức “Đô hộ tổng binh”. Ông đóng quân tại Cẩm Giàng; lập phòng tuyến từ Hàn Giang (nay thuộc thành phố Hải Dương) đến Văn Thai (nay thuộc huyện Cẩm Giàng) để chặn đánh quân Lương.



Hình 11. Đình thờ Lý Quốc Bảo (xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng)

Năm 905, nhân lúc nhà Đường suy yếu, Khúc Thừa Dụ là hào trưởng đất Hồng Châu đã tranh thủ thời cơ, chiêu binh mã nổi dậy chống quân đô hộ phương Bắc, giành quyền tự chủ cho dân tộc Việt Nam.



Hình 12. Đền thờ Khúc Thừa Dụ
(xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang)



Khúc Thừa Dụ là một hào trưởng có uy tín tại đất Hồng Châu. Sau khi chiếm phủ Tống Bình, ông đã tự xưng là Tiết độ sứ, buộc nhà Đường phải chấp nhận việc người Việt cai quản đất Việt. Khúc Thừa Dụ đã bãi bỏ hệ thống quan lại và những chính sách cai trị của chế độ cũ, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.

Họ Khúc đã giành chính quyền bằng chính sách ngoại giao mềm dẻo, tạo môi trường hoà bình để cải cách, xây dựng đất nước; tạo nền móng cho kỉ nguyên độc lập, tự chủ và phát triển hưng thịnh của dân tộc Việt Nam sau hơn 1 000 năm Bắc thuộc.



- 1** Đánh giá tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân Hải Dương thời Bắc thuộc.
- 2** Suy tầm, giới thiệu về một di tích lịch sử hoặc danh nhân của Hải Dương gắn với lịch sử thời Bắc thuộc.

CHỦ ĐỀ 2

VĂN HOÁ HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ X: THÀNH TỰU VÀ BẢN SẮC

MỤC TIÊU

- Trình bày được những thành tựu văn hoá và nhận diện được đặc trưng văn hoá bản địa của Hải Dương trước thế kỉ X.
- Nhận xét được đặc trưng, giá trị văn hoá truyền thống của Hải Dương so với văn hoá truyền thống dân tộc.
- Tìm hiểu và giới thiệu được một số tín ngưỡng, phong tục, tập quán,... bản địa và liên hệ được sự bảo tồn của các thành tựu văn hoá truyền thống trên địa bàn tỉnh hiện nay.





MỘT SỐ DI SẢN VĂN HOÁ TIÊU BIỂU CỦA HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ X



Kể những di sản văn hoá tiêu biểu của Hải Dương thời kì trước thế kỉ X mà em biết.



1 Trống đồng tại Hải Dương

Trống đồng được tìm thấy tại Hải Dương gồm: trống Hữu Chung (thôn Hữu Chung, xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ, năm 1961); trống Làng Gộp (xã Tiền Tiến, thành phố Hải Dương, năm 1976) và trống Hoàng Lại (thôn Hoàng Lại, xã An Lương, huyện Thanh Hà, năm 2005). Trong đó, trống Hữu Chung được coi là chiếc trống đồng đẹp và nguyên vẹn nhất, tiêu biểu cho nghệ thuật của trống đồng Đông Sơn. Các hoa văn trên trống đồng đều mang tính biểu tượng, phản ánh cuộc sống hoặc gửi gắm những ước mơ của người Việt cổ.



Hoa văn trên trống đồng Hữu Chung rất đặc sắc. Mặt trống có 4 khối tượng cóc đắp nổi và những hoa văn chính như: ngôi sao 12 cánh; hình người đội mũ gắn lông chim cách điệu; chim mỏ dài, đuôi dài quay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ;...

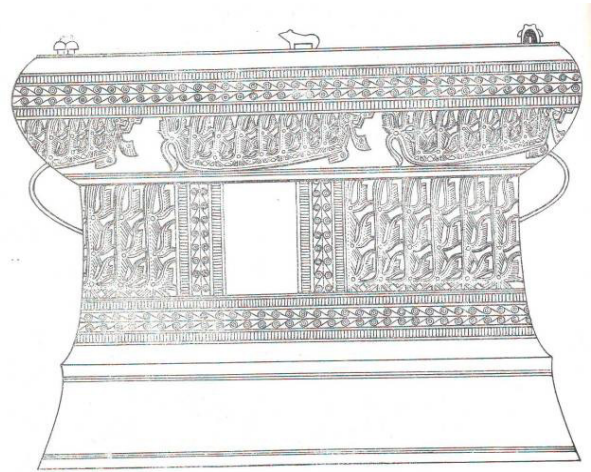
Kể tên những hoa văn chính trên trống đồng được tìm thấy tại Hải Dương.



Hình 1. Mặt trống đồng Hữu Chung



Thân trống có hình những chiếc thuyền lớn nhỏ xen kẽ nhau. Thuyền có dáng cong như hình chim, ở đuôi có bánh lái; đầu thuyền được tạo giống hình chim; trên thuyền có hình người đội mũ lông chim cách điệu, được sắp xếp từng cặp. Quai trống được trang trí hoa văn thừng tết hình bông lúa.



Hình 2. Thân trống đồng Hữu Chung

Trống đồng là nhạc khí phục vụ trong các lễ hội cầu mưa, cầu mùa của người Việt.

2 Mộ thuyền ở Hải Dương

Do sinh sống tại vùng trũng nên cư dân Hải Dương thời cổ đại đã khoét rỗng thân cây thành hình con thuyền để làm vật dụng chôn cất người thân khi mất. Vì vậy, hệ thống mộ thuyền được tìm thấy khá nhiều tại Hải Dương.

Mộ thuyền phản ánh những nét văn hoá gì của người Hải Dương thời cổ đại?



Hình 3. Mộ thuyền tại Hải Dương



Hình 4. Mộ thuyền được trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Hải Dương

Đồ tùy táng được tìm thấy trong các mộ thuyền chủ yếu là các vật dụng như đồ dùng bằng đá, đồng, gỗ, xương sừng; đồ gốm (bát đĩa, chén, âu, nồi,...); mái chèo; đồ đồng;... Một số mộ có cả đồ sắt.

Mộ thuyền là hình thức chôn cất độc đáo của người Việt cổ ở Hải Dương. Những di vật trong mộ thuyền là tư liệu lịch sử quý báu, phản ánh nhiều khía cạnh về đời sống xã hội của cư dân xứ Đông xưa.



Mộ thuyền là mộ mà quan tài là một thân cây lớn, được chẻ làm đôi, khoét rỗng, rồi đặt xác và đồ tùy táng vào trong. Sau đó, người ta dùng dây mây nẹp lại, chốt mộng, bít kín các kẽ hở cho nước khỏi ngấm vào rồi đem chôn.

Cho đến nay, đã phát hiện 8 khu mộ thuyền với tổng số 20 mộ đã được khai quật và nghiên cứu tại nhiều địa phương của Hải Dương như Kinh Môn, Chí Linh, Nam Sách, Kim Thành, Gia Lộc,...



- 1** Hoa văn trên trống đồng Hữu Chung phản ánh điều gì?
- 2** Giới thiệu với bạn bè về ý nghĩa của trống đồng Đông Sơn và di vật mộ thuyền tại Hải Dương.



VĂN HOÁ HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ X



Không chỉ mang những đặc trưng chung của văn hoá Đông Sơn, thành tựu văn hoá Hải Dương còn thể hiện những sắc thái độc đáo riêng, có tính vùng miền. Điều đó được thể hiện như thế nào?

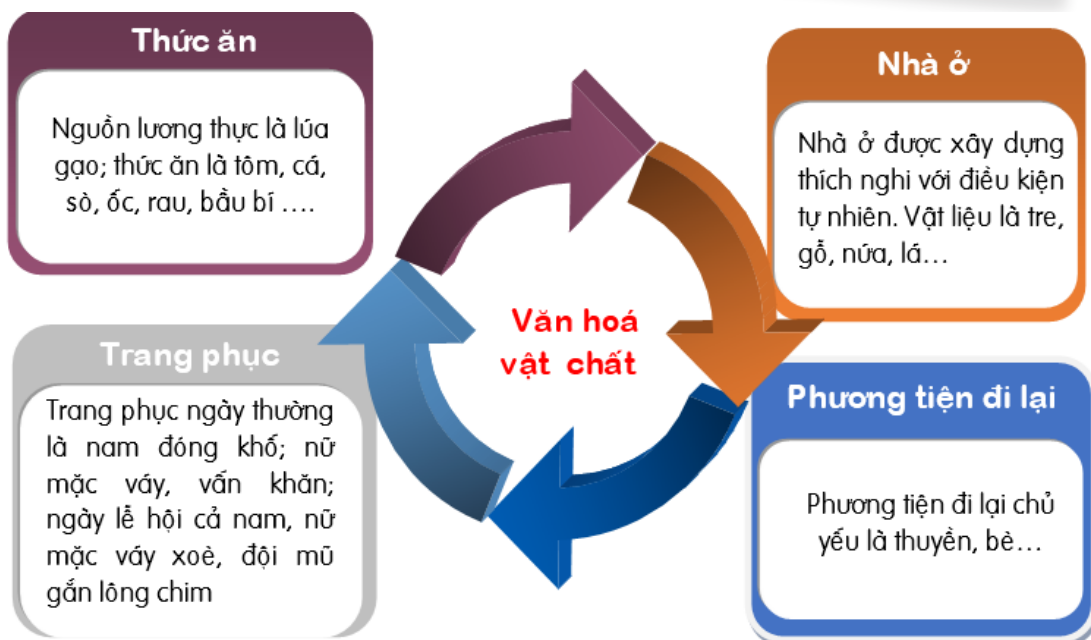


1 Văn hoá Hải Dương thời Văn Lang – Âu Lạc

Xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lúa nước và vốn là vùng đất có địa hình đa dạng, sản vật phong phú nên thành tựu văn hoá bản địa của Hải Dương rất đa dạng.

Văn hoá vật chất

Đặc trưng văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của người Hải Dương thời Văn Lang – Âu Lạc là gì?



Văn hoá tinh thần

Hình thái sinh hoạt cộng đồng là nét văn hoá đặc trưng của người Hải Dương thời cổ đại. Tinh cộng đồng đã tạo nên sự gắn kết chặt chẽ trong các dòng họ, xóm, làng; hình thành những tục lệ chung như ma chay, cưới hỏi, lễ tết và những lễ hội chung,... tạo nên tình làng, nghĩa xóm.

Tín ngưỡng của người Hải Dương thời kì này là sùng bái tự nhiên và sùng bái con người.

Những nét văn hoá được hình thành từ quá trình phát triển của Hải Dương, gắn với công cuộc lao động sản xuất, đấu tranh chinh phục tự nhiên và gìn giữ quê hương đã tạo nên sắc thái riêng của vùng đất và con người xứ Đông.



Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên là thờ các vị thần tự nhiên như thần Đất, thần Nước, Núi, Sông,... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Tín ngưỡng sùng bái con người là thờ cúng tổ tiên và những người có công tại địa phương.

2 Văn hoá Hải Dương thời Bắc thuộc

Trên nền tảng văn hoá bản địa vẫn được bảo tồn, với tinh thần yêu quê hương, người dân Hải Dương đã tiếp thu có chọn lọc những nét đẹp từ văn hoá Hán, làm phong phú thêm cho sắc thái văn hoá Hải Dương.

Kể tên những nét mới trong đời sống văn hoá Hải Dương thời Bắc thuộc.



Qua hơn 1 000 năm Bắc thuộc, người Hải Dương đã bảo tồn bản sắc văn hoá cổ truyền của địa phương, dân tộc. Các tín ngưỡng truyền thống vẫn tồn tại và phát triển mạnh mẽ. Sự tiếp thu những nét văn hoá mới đã góp phần thúc đẩy văn hoá Hải Dương phát triển cao hơn.



Tư tưởng Phật giáo, Nho giáo được du nhập vào Hải Dương thông qua chữ Hán, người Hán và những chính sách cai trị Hán. Tuy nhiên, những nét văn hoá mới này chỉ ảnh hưởng đến tầng lớp quý tộc, quan lại trong xã hội. Các tầng lớp nhân dân vẫn giữ gìn nét đẹp của truyền thống dân tộc.



- 1** Kể tên những nét văn hoá truyền thống được bảo tồn tại Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc.
- 2** Đánh giá về sự bảo tồn và phát triển của văn hoá Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc.
- 3** Suy tầm, giới thiệu về những nét văn hoá truyền thống của Hải Dương còn lưu giữ tại nơi em sống.

CHỦ ĐỀ 3

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

MỤC TIÊU

- Xác định được vị trí địa lí và giới hạn hành chính tỉnh Hải Dương. Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, kinh tế, xã hội và an ninh, quốc phòng.
- Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, sinh vật của tỉnh.
- Nêu được ý nghĩa của đặc điểm tự nhiên đối với sản xuất và đời sống người dân ở Hải Dương.





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ GIỚI HẠN HÀNH CHÍNH

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ, HÀNH CHÍNH TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2019



Hình 1. Bản đồ hành chính tỉnh Hải Dương, năm 2019



Có phải vì diện tích rộng lớn, giáp biển nên quê hương em có tên là “Hải Dương”?



1 Giới hạn hành chính

Đọc thông tin mục 1 và quan sát hình 1 (trang 24), em hãy:

- Xác định trên bản đồ các tỉnh/ thành phố tiếp giáp với tỉnh Hải Dương.*
- Kể tên và xác định vị trí các huyện/ thị xã/ thành phố của tỉnh Hải Dương.*

Tỉnh Hải Dương có diện tích 1 658,89 km² (chiếm 0,5% diện tích cả nước). Trong đó, diện tích đồng bằng là 1 396,04 km² (chiếm 84,15%), diện tích miền núi là 262,85 km² (chiếm 15,85%).

Phía bắc Hải Dương giáp tỉnh Bắc Giang, phía đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía đông giáp thành phố Hải Phòng, phía nam giáp tỉnh Thái Bình, phía tây giáp tỉnh Hưng Yên và phía tây bắc giáp tỉnh Bắc Ninh.

Hiện nay, về mặt hành chính, tỉnh Hải Dương có 12 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 2 thành phố, 1 thị xã và 9 huyện. Thành phố Hải Dương là trung tâm kinh tế, kĩ thuật, giáo dục, khoa học, y tế, dịch vụ của tỉnh.

Theo quy hoạch năm 2007, tỉnh Hải Dương nằm trong quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội với vai trò là một trung tâm công nghiệp của toàn vùng.



Trước đây, Hải Dương là một miền đất rộng lớn, phía đông giáp biển. Sau khi lấy một số huyện ven biển để thành lập thành phố Hải Phòng, Hải Dương không giáp biển nữa.

Từ tháng 8 năm 1945 đến nay, địa giới tỉnh Hải Dương có nhiều thay đổi. Năm 1997, tỉnh Hải Dương được tái lập gồm thị xã Hải Dương và 8 huyện.

2 Vị trí địa lí

Điểm cực Bắc có vĩ độ $21^{\circ}14'B$ (xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh); điểm cực Nam có vĩ độ $20^{\circ}43'B$ (xã Tiền Phong, huyện Thanh Miện); điểm cực Đông có kinh độ $106^{\circ}38'Đ$ (phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn); điểm cực Tây có kinh độ $106^{\circ}03'Đ$ (xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng).

Hải Dương nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, ở trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và trên các tuyến đường giao thông huyết mạch.

Vị trí địa lí tạo nhiều cơ hội và thách thức cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.



Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng



Ga Hải Dương



Quốc lộ 5

Hình 2. Một số tuyến giao thông quan trọng của Hải Dương



1. Quan sát hình 1 (trang 24) và đọc thông tin ở mục 2, em hãy xác định trên bản đồ các điểm cực Bắc, cực Nam, cực Đông, cực Tây của tỉnh Hải Dương.

2. Quan sát hình 1 (trang 24) và hình 2 (trang 26), em cho biết: Tỉnh Hải Dương nằm trên các tuyến đường giao thông huyết mạch nào?

3. Nêu đặc điểm của vị trí địa lý tỉnh Hải Dương và ý nghĩa của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.



Hải Dương có vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong “Dư địa chí”, Nguyễn Trãi đã đánh giá Hải Dương là trấn thứ nhất trong bốn kinh trấn và là “phên giậu” phía đông của kinh thành Thăng Long.

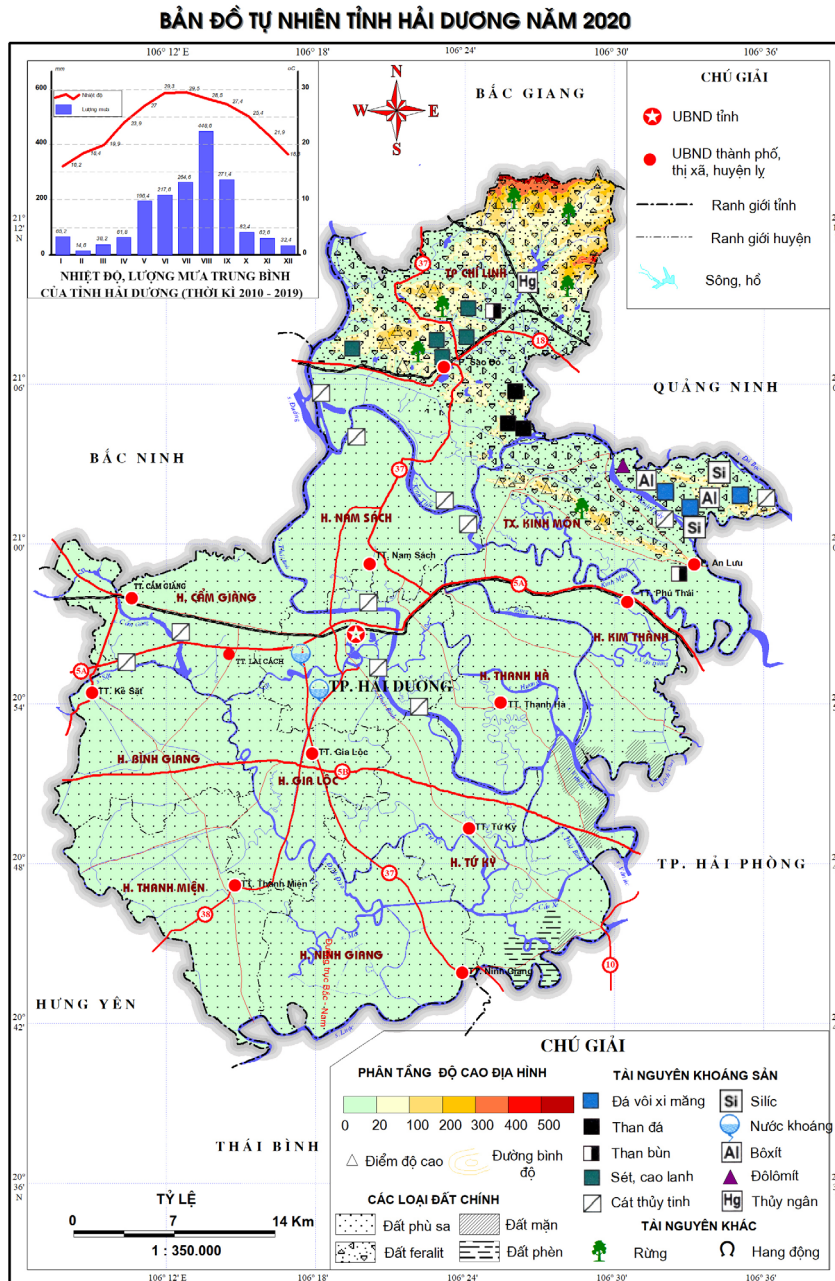


- 1** Trình bày đặc điểm vị trí địa lý và giới hạn hành chính tỉnh Hải Dương.
- 2** Nêu những thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.
- 3** Thu thập tài liệu, thông tin để chứng minh: Vị trí địa lý gây khó khăn cho Hải Dương trong công tác phòng, chống dịch bệnh (trong đó có dịch Covid-19) và phát triển kinh tế – xã hội.



ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

Vị trí địa lý quy định thiên nhiên Hải Dương mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hoá theo không gian và thời gian.



Hình 3. Bản đồ tự nhiên tỉnh Hải Dương

I. ĐỊA HÌNH VÀ CẢNH QUAN



Bạn A được bố mẹ cho đi tham quan Côn Sơn – Kiếp Bạc. Bạn nói rằng: “Hải Dương là vùng đồi núi đẹp, có rừng thông reo vi vu như Đà Lạt”.

Bạn B được bố mẹ cho đi tham quan Văn Miếu Mao Điền lại cho rằng: “Hải Dương là vùng đồng bằng rộng lớn, trồng nhiều lúa, hoa màu và cây ăn quả”.

Theo em, bạn A hay bạn B nói đúng?



1 Đặc điểm chung

Địa hình và cảnh quan Hải Dương khá đa dạng, bề mặt nghiêng từ phía bắc xuống phía nam và có sự tương phản rõ rệt giữa vùng đồi núi phía bắc (thuộc thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn) với vùng đồng bằng còn lại.

Hải Dương có diện tích đồng bằng chiếm khoảng 84% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp; đất đai màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm. Vùng đồi núi thấp chiếm khoảng 16% diện tích, phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày.



Địa hình và cảnh quan tỉnh Hải Dương chịu tác động của các nhân tố nội sinh và ngoại sinh, đặc biệt là tác động của con người.

Quan sát hình 3 (trang 28) và thông tin mục 1, em hãy:

1. Cho biết: Hải Dương có mấy dạng địa hình và cảnh quan chính?
2. Xác định trên bản đồ các khu vực địa hình chính của tỉnh Hải Dương.

2 Các dạng địa hình và cảnh quan ở Hải Dương

2.1. Địa hình và cảnh quan đồi núi ở Chí Linh và Kinh Môn

Khu vực địa hình cao nhất thuộc thành phố Chí Linh. Tiếp đến là các dải núi tách biệt, được ngăn cách bởi các cánh đồng giữa núi hoặc nằm xen với các núi đá vôi. Vùng đồi núi thấp nằm tiếp giáp với vùng đồng bằng phía nam.

Địa hình và cảnh quan đồi núi thuận lợi cho phát triển rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả,...và thu hút các nhà đầu tư để phát triển kinh tế, văn hoá, du lịch.



Thành phố Chí Linh có những đỉnh núi cao như Dây Dìu (616 m), Đèo Tạo (578 m), Đèo Trê (536 m), Hòn Phướn (354 m),... Đây cũng chính là ranh giới giữa tỉnh Hải Dương với tỉnh Bắc Giang và tỉnh Quảng Ninh.

Địa hình và cảnh quan Karst ở thị xã Kinh Môn khá đặc biệt, được thành tạo từ đá vôi với nhiều hang động kì thú.

Quan sát hình 3 (trang 28), hình 4 (trang 30), hình 5 (trang 31) và thông tin mục 2.1, em hãy:

1. Xác định trên bản đồ khu vực địa hình đồi núi của Hải Dương.
2. Cho biết: Khu vực địa hình đồi núi của Hải Dương có đặc điểm và ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội?



Hình 4. Đồi núi
(thành phố Chí Linh)



Hình 5. Núi đá vôi (thị xã Kinh Môn)

2.2. Địa hình và cảnh quan đồng bằng

Địa hình và cảnh quan đồng bằng chiếm phần lớn diện tích tỉnh Hải Dương, phân bố ở phía nam thành phố Chí Linh, một phần thị xã Kinh Môn và các huyện còn lại.

Địa hình tương đối bằng phẳng nhưng vẫn có sự chênh lệch về độ cao, thấp dần từ phía bắc – đông bắc xuống phía nam.



Nét nổi bật của cảnh quan đồng bằng tỉnh Hải Dương là cảnh quan cánh đồng lúa, cánh đồng rau màu và vườn cây ăn quả. Đây là những nơi tập trung dân cư đông đúc, đã và đang được sử dụng ngày càng hiệu quả.



Hình 6. Cánh đồng lúa (huyện Nam Sách)



Hình 7. Cánh đồng rau màu (huyện Nam Sách)

Quan sát hình 3 (trang 28), hình 6 (trang 31), hình 7 (trang 32) và thông tin mục 2.2, em hãy:

1. Xác định trên bản đồ khu vực địa hình đồng bằng của Hải Dương.
2. Cho biết: Khu vực địa hình đồng bằng của Hải Dương có đặc điểm và ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội?

Sự tương phản rõ rệt giữa địa hình và cảnh quan vùng đồng bằng với vùng đồi núi là nét đặc trưng của địa hình Hải Dương.



- 1** Dựa vào hình 3 (trang 28) và thực tế, hãy mô tả đặc điểm địa hình và cảnh quan nơi em ở.
- 2** Suu tầm tư liệu, thông tin để chứng minh: Hải Dương có sự tương phản rõ rệt giữa địa hình và cảnh quan vùng đồng bằng với vùng đồi núi.

II. KHÍ HẬU



Có phải do điều kiện khí hậu mà sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hải Dương rất đa dạng, có cả nông phẩm nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới?



1 Đặc điểm chung

Hải Dương nằm trong vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ, mang đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa. Mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hè nóng, mưa nhiều và có sự phân hoá theo không gian.

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu tỉnh Hải Dương được quy định bởi vị trí địa lí nằm trong vùng nội chí tuyến, khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.

2 Tính nhiệt đới ẩm của khí hậu tỉnh Hải Dương

Nhiệt độ không khí trung bình năm khoảng 24°C và có xu hướng tăng.

Lượng mưa trung bình trong năm khoảng 1 700 mm, độ ẩm không khí khá cao, dao động từ 80 – 90%.

Quan sát bảng 1 (trang 33) và thông tin mục 2, hãy nhận xét về nhiệt độ, lượng mưa trung bình năm của Hải Dương.

Bảng 1. Nhiệt độ, lượng mưa trung bình một số năm ở tỉnh Hải Dương

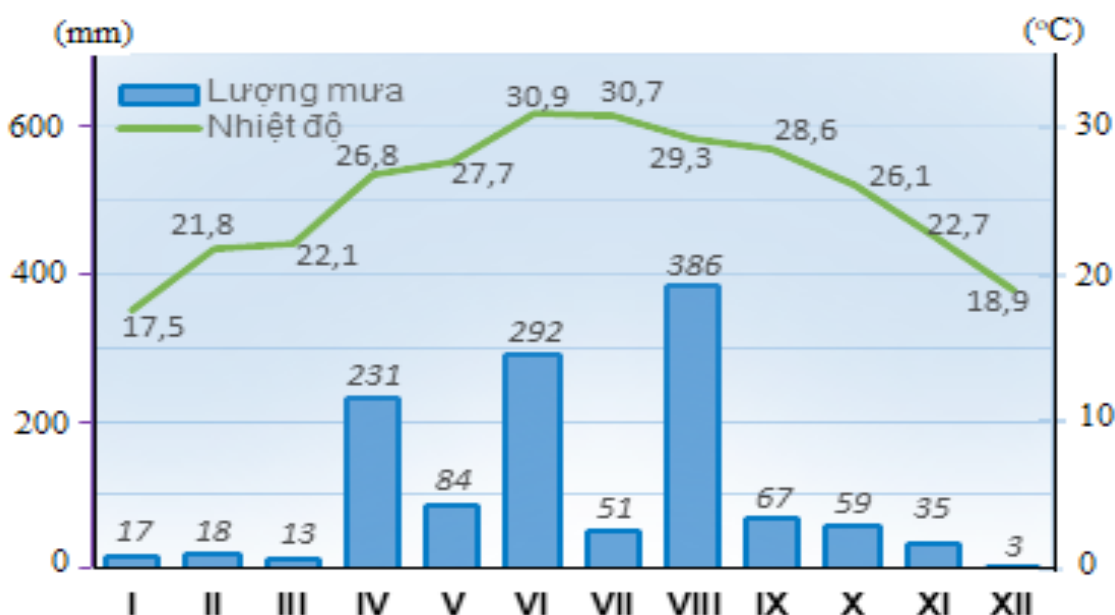
Năm	2010	2015	2017	2018	2019
Nhiệt độ (°C)	24,3	24,8	24,4	24,4	25,3
Lượng mưa (mm)	1 128	2 074	1 933	1 905	1 256

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương, 2019)

3 Sự phân hoá của khí hậu Hải Dương theo thời gian (mùa) và không gian (vùng)

Hải Dương nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á. Các khối khí hoạt động theo mùa có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phân mùa khí hậu của tỉnh.

Ở Hải Dương, nhiệt độ và lượng mưa giữa các tháng trong năm có sự chênh lệch khá lớn, chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hè nóng, mưa nhiều.



Hình 8. Biểu đồ khí hậu của Hải Dương, năm 2019

Quan sát hình 8 (trang 34) và thông tin mục 3, em hãy cho biết:

- Những tháng nào có nhiệt độ cao, tháng nào có nhiệt độ thấp?
- Những tháng nào có lượng mưa lớn, tháng nào có lượng mưa ít?
- Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân mùa của khí hậu?

Đặc điểm địa hình làm cho khí hậu tỉnh Hải Dương có sự phân hoá theo không gian.

So với tiểu vùng khí hậu đồng bằng, tiểu vùng khí hậu đồi núi (bán sơn địa) có nhiệt độ mùa đông, lượng mưa, độ ẩm tương đối thấp hơn; lượng bốc hơi năm, chỉ số khô hạn và số giờ nắng lớn hơn.

Mạng lưới sông hồ góp phần điều hoà nền nhiệt, tăng độ ẩm không khí, làm cho khí hậu Hải Dương thích hợp trồng lúa, cây thực phẩm, cây ăn quả – là nguồn nguyên liệu quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp thực phẩm và chế biến nông sản.

*Em hãy cho biết:
Tiểu vùng khí hậu đồng bằng khác với tiểu vùng khí hậu đồi núi như thế nào?*



Tiểu vùng khí hậu đồng bằng có nhiệt độ trung bình tháng 1 trên 16°C , lượng mưa trung bình năm trên 1 500 mm. Độ ẩm không khí 84 – 86%; chỉ số khô hạn năm là 0,4 – 0,5; lượng bốc hơi năm 800 – 900 mm. Số giờ nắng 1 700 giờ/ năm. Mùa đông có gió bắc, không có sương muối; mùa hè có gió đông nam.

Khí hậu có tác động lớn đến đời sống sinh hoạt và sản xuất. Việc nghiên cứu đặc điểm khí hậu của địa phương giúp chúng ta phát huy được những lợi thế về khí hậu, hạn chế những khó khăn do tính chất thất thường của khí hậu gây ra, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.



- 1** Nêu biểu hiện của tính nhiệt đới ẩm của khí hậu Hải Dương.
- 2** Quan sát hình 8 (trang 34), em hãy xác định các tháng mùa hạ và các tháng mùa đông ở Hải Dương.
- 3** Ở nơi em sống, thời tiết mùa hạ, mùa đông có đặc điểm gì? Đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội?

III. ĐẤT ĐAI VÀ SÔNG NGÒI



Liên quan đến điều kiện địa hình và khí hậu, đất đai và sông ngòi Hải Dương có những đặc điểm gì?

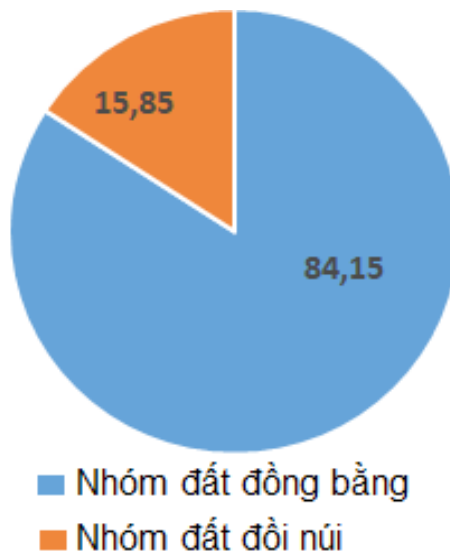


1 Đất đai

Hải Dương có diện tích đất tự nhiên là 165 889 ha (chiếm 0,5% diện tích đất tự nhiên của cả nước), chia thành nhóm đất đồng bằng và nhóm đất đồi núi.

Diện tích đất đồng bằng là 139 604 ha, chủ yếu là đất phù sa sông Thái Bình và một phần đất phù sa sông Hồng. Đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Diện tích đất đồi núi là 26 285 ha, chủ yếu là đất feralit thành phần cơ giới nhẹ và pha cát, khả năng giữ nước kém.



Hình 9. Biểu đồ cơ cấu các nhóm đất ở Hải Dương (%)



Đất phù sa



Đất đồi núi

Hình 10. Các nhóm đất chính ở Hải Dương

Quan sát hình 3 (trang 28), hình 9 (trang 36), hình 10 (trang 37) và thông tin mục 1, em hãy cho biết:

1. Các loại đất chính ở Hải Dương và sự phân bố của các loại đất đó.
2. Đặc điểm các loại đất và ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.

2 Sông ngòi

Hải Dương có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, chảy theo hướng chính là tây bắc – đông nam. Sông Thái Bình là sông lớn nhất chảy qua địa phận tỉnh với chiều dài 64 km.

Mạng lưới sông ngòi Hải Dương bao gồm hệ thống các sông tự nhiên (sông Thái Bình, sông Kinh Thầy,...) và hệ thống các sông, kênh mương nội đồng do con người đào đắp, điều tiết dòng chảy, phục vụ yêu cầu sản xuất.

Sông ngòi Hải Dương có lưu lượng lớn, nhiều phù sa. Chế độ dòng chảy thay đổi theo mùa (có mùa lũ và mùa cạn), phụ thuộc vào chế độ mưa trên lưu vực sông và sự điều tiết của các hồ chứa thượng nguồn.



Sông Thái Bình được bắt đầu từ Ngã ba Lác, gần cầu Phả Lại, chảy qua đất Hải Dương và đổ ra Biển Đông tại cửa Thái Bình.

Ở Hải Dương, các sông thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải có 2 trục chính: ở phía bắc là sông Kim Sơn, phía nam là sông Cửu An.



Hình 11. Sông Kinh Thầy



Hình 12. Sông Cầu Xe (huyện Tứ Kỳ)

1. Quan sát hình 3 (trang 28), em hãy xác định đoạn sông Thái Bình chảy qua địa phận tỉnh Hải Dương.

2. Quan sát hình 11, 12 (trang 38) và thông tin mục 2, em hãy cho biết: Sông ngòi Hải Dương có đặc điểm và ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội?



- 1** Trình bày đặc điểm đất đai và sông ngòi tỉnh Hải Dương.
- 2** Suy tầm tư liệu và giới thiệu về đất đai, sông ngòi ở huyện/ thành phố/ thị xã em sống.

IV. SINH VẬT



Có phải điều kiện và môi trường sống đã tạo cho Hải Dương nguồn sinh vật phong phú và đa dạng về thành phần loài và hệ sinh thái, có những loài quý hiếm cần bảo vệ?



1 Đặc điểm chung

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hoá đa dạng tạo cho Hải Dương nguồn tài nguyên sinh vật phong phú. Chiếm ưu thế là các loài nhiệt đới, ngoài ra còn có các loài ôn đới. Hải Dương có hệ sinh thái đồi núi và hệ sinh thái đồng bằng, mỗi hệ sinh thái mang những nét đặc trưng riêng.

Quan sát bảng 2 (trang 39), hình 13 (trang 40) và hình 14 (trang 41), em hãy cho biết:

- Nguồn sinh vật ở Hải Dương có đặc điểm gì?
- Hải Dương có những hệ sinh thái nào?



Hải Dương có các loài chim, thú, bò sát và lưỡng cư, trong đó có một số loài quý hiếm cần được bảo tồn. Hiện nay đã có nhiều gia đình nuôi thành công các loài như rắn, ếch, ba ba làm thực phẩm đặc sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Bảng 2. Các nhóm động vật ở Hải Dương

STT	Nhóm động vật	Số loài
1	Thú	25
2	Chim	99
3	Bò sát	41
4	Lưỡng cư	21
5	Cá	51
Tổng cộng:		237

(Nguồn: Địa chí Hải Dương, 2008)

2 Các hệ sinh thái

2.1. Hệ sinh thái đồi núi

Hải Dương hiện có 10 861 ha rừng, tập trung ở thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn. Thành phố Chí Linh có hệ sinh thái núi đất, có rừng cây cổ thụ, rừng cây lá kim. Thị xã Kinh Môn có hệ sinh thái núi đá vôi. Trước đây, rừng có đủ các loài động vật, nhiều loài chim quý và còn lưu giữ nguồn gen của nhiều cây thuốc quý.



Hải Dương có 1 539 ha rừng đặc dụng, 4 901 ha rừng phòng hộ và 4 421 ha rừng sản xuất.

Hệ động vật hoang dã mang tính đặc trưng của khu hệ vùng đồng bằng sông Hồng.

Thực vật phong phú và đa dạng là nguồn gen tự nhiên, nguồn tài nguyên quan trọng cho sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Cây ăn quả và các loại cây có giá trị sử dụng khác cũng rất phong phú và đa dạng.



Hình 13. Hệ sinh thái đồi núi ở Chí Linh và Kinh Môn



Quan sát hình 13 (trang 40) và thông tin mục 2.1, em hãy cho biết: Hệ sinh thái đồi núi Chí Linh khác hệ sinh thái đồi núi Kinh Môn như thế nào?

2.2. Hệ sinh thái đồng bằng

Đây là hệ sinh thái chủ yếu, trong đó, phát triển mạnh một số loài động, thực vật có giá trị kinh tế. Tuy nhiên, một số loài sinh vật bản địa lại có xu hướng giảm đi. Đây là điều cần phải quan tâm.

Thực vật trồng có các nhóm cây lương thực, rau, đậu, cây công nghiệp, rau gia vị và cây có tác dụng làm thuốc, cây ăn quả và dùng lá để uống, các loài tre, trúc, hoa, cây cảnh.

Động vật nuôi chủ yếu là các loài gia súc, gia cầm, thủy sản, côn trùng có ích.



Đảo Cỏ



Cánh đồng lúa và rau màu



Mô hình VAC

Hình 14. Hệ sinh thái đồng bằng ở Hải Dương



Vùng đồng bằng ở Hải Dương có nhiều tôm cá và các nguồn thủy sản khác như hến, trai, ốc, chạch,... Gần đây, còn phát hiện ở thôn Cậy (xã Long Xuyên, huyện Bình Giang) 2 loài trai cánh quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam, có thể nuôi lấy ngọc.

Các huyện đồng bằng trồng nhiều lúa gạo, rau màu và cây ăn quả. Vùng đất Thanh Hà còn có cây vải thiều, là đặc sản nổi tiếng trong và ngoài nước.

Quan sát hình 14 (trang 41) và thông tin mục 2.2, em hãy cho biết: Hệ sinh thái đồng bằng ở Hải Dương có đặc điểm gì?

Tính đa dạng sinh học chịu tác động trực tiếp của con người. Nếu tác động tiêu cực, chúng sẽ mất dần và có thể biến mất vĩnh viễn. Nếu biết gìn giữ và bảo vệ, chúng sẽ tồn tại và phát triển.



- 1** Trình bày đặc điểm sinh vật của tỉnh Hải Dương.
- 2** Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về hệ sinh thái ở huyện/ thành phố/ thị xã em sống.

V. KHOÁNG SẢN



Hải Dương có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú. Loại khoáng sản nào có giá trị, có trữ lượng lớn để phát triển công nghiệp? Khoáng sản đó phân bố ở đâu?



1 Đặc điểm chung

Trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã phát hiện được 91 mỏ và điểm khoáng sản thuộc 4 nhóm khoáng sản: nhiên liệu; khoáng sản kim loại; khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp; nước nóng – khoáng.

Khoáng sản phân bố chủ yếu ở khu vực thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn. Khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn là sét gốm sứ và nguyên vật liệu xây dựng đá và đang được khai thác ở quy mô công nghiệp.



Một số loại khoáng sản đã được khai thác với quy mô lớn như sét chịu lửa, đá vôi xi măng, sét xi măng, bauxite. Số còn lại cần tiếp tục nghiên cứu khai thác để đáp ứng yêu cầu phát triển một số ngành công nghiệp trong tỉnh.

Bảng 3. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn ở tỉnh Hải Dương

STT	Khoáng sản	Phân bố
1	Than đá	TP Chí Linh
2	Bauxite	TX Kinh Môn
3	Sét chịu lửa	TP Chí Linh
4	Cát thủy tinh	TP Chí Linh
5	Đá vôi xi măng	TX Kinh Môn
6	Đá sét – silic	TX Kinh Môn

(Nguồn: Địa chí Hải Dương, 2008)

Quan sát hình 3 (trang 28), bảng 3 (trang 42) và thông tin mục 1, em hãy cho biết ở Hải Dương:

- Nguồn tài nguyên khoáng sản có những đặc điểm gì?
- Có bao nhiêu mỏ và điểm quặng? Bao nhiêu nhóm khoáng sản?
- Kể tên và xác định trên bản đồ vị trí một số khoáng sản có trữ lượng lớn.



Sét chịu lửa ở thành phố Chí Linh



Đá vôi, đá phiến silic ở thị xã Kinh Môn

Hình 15. Một số khoáng sản ở Hải Dương

2 Các nhóm khoáng sản

2.1. Nhóm nhiên liệu

Nhóm khoáng sản này chủ yếu là than đá, phân bố ở thành phố Chí Linh với quy mô nhỏ, nhiệt lượng thấp, chỉ có giá trị phục vụ công nghiệp địa phương.

Bảng 4. Các mỏ than ở thành phố Chí Linh

STT	Tên mỏ	Trữ lượng (triệu tấn)
1	Phả Lại	Dự báo 13,0
2	Xóm Lý	Dự báo 50,0
3	Cổ Kênh	12,142

(Nguồn: Địa chí Hải Dương, 2008)

Quan sát hình 3 (trang 28) và bảng 4 (trang 43), em hãy cho biết: Ở Hải Dương có khoáng sản nhiên liệu nào và phân bố ở đâu?

2.2. Nhóm khoáng sản kim loại

Khoáng sản thuộc nhóm này gồm 4 loại: sắt, đồng, bauxite, thủy ngân. Sắt, đồng, bauxite phân bố ở thị xã Kinh Môn với quy mô nhỏ, hiện đang được khai thác phục vụ sản xuất đá mài. Thủy ngân ở Trại Gạo (xã Bắc An, thành phố Chí Linh), quy mô nhỏ nhưng rất có triển vọng.

Quan sát hình 3 (trang 28) và thông tin mục 2.2, em hãy cho biết: Ở Hải Dương có những khoáng sản kim loại nào và phân bố ở đâu?

2.3. Nhóm khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp

Hải Dương có nhiều loại khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp (than bùn, sét chịu lửa, cao lanh, quặng phosphorite, đá vôi xi măng, đá sét, đá phiến silic nguyên liệu phụ gia xi măng, cát thủy tinh,...), phân bố chủ yếu ở thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn.

Bảng 5. Các mỏ đá vôi xi măng ở thị xã Kinh Môn

STT	Tên mỏ	Trữ lượng (triệu tấn)
1	Duyên Linh	35,08
2	Lỗ Sơn	1,68
3	Hoàng Thạch	65,00
4	Vạn Chánh	2,03

(Nguồn: Địa chí Hải Dương, 2008)

Quan sát hình 3 (trang 28), bảng 5 (trang 44) và thông tin mục 2.3, em hãy cho biết: Ở Hải Dương, khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp nào có trữ lượng lớn và phân bố ở đâu?

2.4. Nước nóng – khoáng

Hiện nay đã phát hiện 5 mỏ nước nóng – khoáng là Thạch Khôi, Tứ Minh, Bệnh viện Đa khoa Hải Dương, Nghĩa Mỹ (thành phố Hải Dương) và Đức Chính (huyện Cẩm Giàng). Các mỏ nước nóng – khoáng này đều được phát hiện trong quá trình khoan thăm dò.

– Các mỏ nước nóng – khoáng của Hải Dương phân bố ở đâu?

– Sự đa dạng về tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?



- 1 Trình bày đặc điểm khoáng sản của tỉnh Hải Dương.
- 2 Suy tầm tư liệu và giới thiệu về nguồn tài nguyên khoáng sản ở huyện/ thành phố/ thị xã em sống.

CHỦ ĐỀ 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

MỤC TIÊU

- Suy tầm và giới thiệu được:
 - Hiện trạng môi trường nước, đất, không khí, ... ở địa phương.
 - Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí.
 - Hậu quả của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe người dân và sự phát triển kinh tế – xã hội.
- Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên ở địa phương.
- Tuyên truyền, vận động được người thân, bạn bè thực hiện các việc làm bảo vệ môi trường tự nhiên.





HIỆN TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở HẢI DƯƠNG



Ô nhiễm môi trường là thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương, ảnh hưởng tới sức khỏe và đời sống của người dân. Ô nhiễm môi trường ở Hải Dương đang diễn ra như thế nào?



1 Ô nhiễm môi trường đất

Quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, phát triển khu dân cư, dịch vụ, khai thác cát, rừng, khoáng sản, đặc biệt là việc lạm dụng hoá chất quá mức quy định trong sản xuất nông nghiệp đã gây ra ô nhiễm nguồn đất.

Những hoá chất dư thừa ngấm vào đất là nguyên nhân chủ yếu gây bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Đây là vấn đề hiện nay cần quan tâm.



Hình 16. Rác thải gây ô nhiễm môi trường



Quan sát hình 16 (trang 47) và thông tin mục 1, em hãy cho biết hiện trạng ô nhiễm môi trường đất ở Hải Dương.

2 Ô nhiễm môi trường nước

Một số nguồn nước ở Hải Dương đã có dấu hiệu ô nhiễm ở các mức độ khác nhau do nước thải sinh hoạt, việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân hoá học trong nông nghiệp, nước thải sản xuất công nghiệp không được xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn.

Phần lớn ao, hồ, sông cụt và kênh mương khu vực nội thành thành phố Hải Dương bị ô nhiễm nghiêm trọng. Một số cụm công nghiệp đã có dấu hiệu bị ô nhiễm chất lượng nguồn nước mặt.



Ô nhiễm môi trường nước là việc nguồn nước tại các ao, hồ, sông, kênh, mạch nước ngầm,... chứa các chất độc hại với hàm lượng cao, gây nguy hiểm cho sức khoẻ của con người và động thực vật.



Hình 17. Ô nhiễm môi trường nước tại Hải Dương

Quan sát hình 17 (trang 48) và thông tin mục 2, em hãy cho biết hiện trạng ô nhiễm môi trường nước ở Hải Dương.

3 Ô nhiễm môi trường không khí

Quan sát hình 18 (trang 49) và thông tin mục 3, em hãy cho biết hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí ở Hải Dương. Những nơi nào có dấu hiệu ô nhiễm nghiêm trọng?

Môi trường không khí tỉnh Hải Dương đã có hiện tượng ô nhiễm do hoạt động của các cơ sở sản xuất và khí thải giao thông. Có 70% số điểm quan trắc nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn cho phép, có nơi ở mức nghiêm trọng.

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở Hải Dương có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng đến sản xuất và sức khỏe người dân, đặc biệt là ở các khu công nghiệp và làng nghề. Vấn đề này cần được quan tâm và giải quyết.



Hình 18. Khí thải từ sản xuất công nghiệp và giao thông ở Hải Dương



Thị xã Kinh Môn là nơi tập trung nhiều ngành công nghiệp như sản xuất xi măng, sắt thép, luyện kim, khai thác khoáng sản,... Mặc dù đã chú trọng đến các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhưng những năm gần đây, môi trường vẫn có dấu hiệu ô nhiễm, đặc biệt là môi trường không khí.



- 1 Trình bày hiện trạng ô nhiễm môi trường ở tỉnh Hải Dương. Theo em, ở Hải Dương, môi trường ở những khu vực nào bị ô nhiễm nhiều?
- 2 Thu thập tư liệu và thông tin về ô nhiễm môi trường ở huyện/ thành phố/ thị xã em sống.



NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở HẢI DƯƠNG



Tại sao các hoạt động của con người lại làm tăng ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng?



1 Chất thải sinh hoạt

Ở Hải Dương, lượng rác thải của mỗi hộ gia đình khoảng 1,32 – 4,63 kg/ngày. Khu vực đô thị có số lượng rác thải cao hơn khu vực nông thôn. Riêng lượng rác thải của thành phố Hải Dương lên tới 180 – 200 tấn/ngày. Rác thải, nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước, không khí và đất.



Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt chiếm phần lớn là các hợp chất hữu cơ. Dưới tác động của nhiệt độ, độ ẩm và các vi sinh vật, chất thải rắn hữu cơ bị phân huỷ và sản sinh ra các chất khí methane (CH_4), carbonic (CO_2) và một số khí khác gây mùi hôi thối, ô nhiễm đất, nguồn nước và không khí. Túi nilon khó phân huỷ làm cho đất chóng bạc màu...



Hình 19. Rác thải sinh hoạt

Quan sát hình 19 (trang 50) và thông tin mục 1, em hãy cho biết: Rác thải sinh hoạt đã làm cho môi trường ô nhiễm như thế nào? Ở nơi em sống, rác thải sinh hoạt có được thu gom và xử lý không?

2 Chất thải y tế

Ở Hải Dương, lượng rác thải y tế phát sinh khoảng 4 tấn/ngày, trong đó, khoảng 20% số này là rác thải y tế nguy hại; nước thải y tế khoảng 4 000 m³/ngày. Chất thải y tế chứa các vi sinh vật có thể phát tán vào môi trường không khí, đất, nước, gây bệnh và nguy cơ lây nhiễm.

Xử lý, tiêu huỷ chất thải y tế không đúng cách có thể gián tiếp tạo ra nguy cơ phát tán mầm bệnh và các chất độc hại vào môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước, gây hại cho sức khoẻ con người.



Hình 20. Rác thải y tế

Quan sát hình 20 (trang 51), đọc thông tin mục 2 và thực tế hiểu biết của em, hãy cho biết: Rác thải y tế đã làm cho môi trường ô nhiễm như thế nào?

3 Chất thải công nghiệp

Chất thải công nghiệp gồm nước thải, khói, bụi, bã, phế liệu, dầu, dung môi, hoá chất,... rất độc hại, dễ bắt lửa, ăn mòn. Việc quản lý, xử lý chất thải công nghiệp chưa đúng quy định là tác nhân gây ô nhiễm môi trường, phát sinh bệnh dịch.

Quan sát hình 21 (trang 52) và thông tin mục 3, em hãy cho biết: Chất thải công nghiệp đã gây ô nhiễm môi trường như thế nào?



Hình 21. Chất thải công nghiệp ở Hải Dương

4 Chất thải từ các làng nghề

Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng hơn 60 làng nghề (thêu ren, mộc, mây tre đan, dệt chiếu, mĩ nghệ,...). Mỗi ngày, các làng nghề thải ra khoảng 42 tấn chất thải. Phần lớn nước thải, chất thải rắn, lỏng và chất thải nguy hại không được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân tại các làng nghề còn hạn chế, giá thành đầu tư cho xử lý môi trường cao nên tình trạng ô nhiễm môi trường đang gia tăng và trở thành vấn đề bức xúc.

Quan sát hình 22 (trang 53) và thông tin mục 4, em hãy cho biết: Chất thải từ các làng nghề ở Hải Dương đã gây ô nhiễm môi trường như thế nào?



Hình 22. Bãi rác của một làng nghề ở Hải Dương

5 Chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản

Việc lạm dụng hoá chất, thuốc trừ sâu trong canh tác nông nghiệp gây dư thừa hoá chất và bao bì sau sử dụng bị bỏ lại đã và đang làm suy thoái đất canh tác, ô nhiễm nguồn nước và suy giảm đa dạng sinh học, làm mất cân bằng sinh thái.

Bên cạnh đó, các trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (cá lồng trên sông) quy mô lớn cũng có thể gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.



Hàng năm, nông dân Hải Dương đã sử dụng 150 tấn thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ sâu, bệnh, cỏ, chuột, ốc,...). Lượng dư thừa và bao bì sau sử dụng bị người dân bỏ lại trên ruộng, mương khoảng 40 tấn/năm.

Quan sát hình 23 (trang 53) và thông tin mục 5, em hãy cho biết: Việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật ở Hải Dương có thể gây ô nhiễm môi trường như thế nào?



Hình 23. Ô nhiễm môi trường trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ở Hải Dương

6 Công tác quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản

Tăng trưởng kinh tế, dân số tăng luôn kèm theo sự gia tăng của các hoạt động sản xuất, tạo áp lực đối với môi trường.

Trên địa bàn Hải Dương, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn diễn ra rất phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Việc khai thác, thu gom, mua bán khoáng sản trái phép, bừa bãi gây mất an ninh trật tự ở địa phương, lãng phí tài nguyên và huỷ hoại môi trường.

Nếu không có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường thì chất lượng cuộc sống của người dân sẽ ngày càng suy giảm.

Quan sát hình 24 (trang 54) và thông tin mục 6, em hãy cho biết: Hạn chế trong quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản tác động tiêu cực đến môi trường Hải Dương như thế nào?



Hình 24. Khai thác khoáng sản trái phép ở Hải Dương



1 Em hãy cho biết:

- Việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường ở tỉnh Hải Dương như thế nào?
- Vì sao chất thải sinh hoạt có thể gây ô nhiễm môi trường?

2 Thu thập tư liệu và thông tin về nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở huyện/ thành phố/ thị xã em sống.



HẬU QUẢ CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH HẢI DƯƠNG



Môi trường ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của con người. Môi trường bị ô nhiễm sẽ gây ra những hậu quả gì? Cần có những biện pháp gì để bảo vệ môi trường sống quanh ta?



1 Hậu quả của ô nhiễm môi trường

- Làm khí hậu biến đổi, thiên tai gia tăng và khắc nghiệt hơn (bão, lũ lụt, hạn hán,...), gây tổn thương hệ sinh thái, suy giảm, cạn kiệt nguồn tài nguyên,...
- Làm giảm chất lượng môi trường sống, gây ra các bệnh hiểm nghèo, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống sinh hoạt của con người.
- Gây thiệt hại về kinh tế do ảnh hưởng đến sản xuất, nhất là đối với nông – lâm – ngư nghiệp, hoạt động du lịch, nhiều bệnh tật làm tăng gánh nặng về y tế, phải đầu tư để cải thiện môi trường,...

Quan sát hình 25 (trang 55) và thông tin mục 1, em hãy cho biết: Ở Hải Dương, ô nhiễm môi trường đã gây ra hậu quả gì?



Hình 25. Sạt lở, bệnh dịch, ngập úng ở Hải Dương



Ô nhiễm môi trường làm khí hậu biến đổi, thiên tai gia tăng và khắc nghiệt, ảnh hưởng đến sản xuất, nhất là đối với nông – lâm – ngư nghiệp.

Từ ngày 31/7 đến ngày 3/8/2015, lượng mưa lớn kéo dài đã gây úng cục bộ cho khoảng 5 000 ha lúa, rau màu, diện tích nuôi trồng thủy sản. Khoảng hơn 100 lồng nuôi cá trên sông Thái Bình thuộc địa bàn huyện Nam Sách đã bị trôi dạt khiến toàn bộ số cá nuôi bị sống ra ngoài, gây thiệt hại ước tính hàng chục tỉ đồng.

Do mưa lớn kéo dài, nước thải không qua xử lý, thời tiết diễn biến bất thường làm cho môi trường nước biến đổi đột ngột, dịch bệnh thủy sản nuôi có chiều hướng gia tăng.

2 Một số biện pháp bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường không chỉ là một nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc mà còn là vấn đề sống còn, bảo đảm sự phát triển bền vững.

Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường của tỉnh Hải Dương đạt được nhiều kết quả trên nhiều lĩnh vực. Định hướng bảo vệ môi trường trong 5 năm tới ở Hải Dương tập trung vào việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường:

– Xây dựng nội dung tuyên truyền sát thực với các vấn đề môi trường cấp bách của tỉnh, của địa phương như: thu gom, phân loại rác tại nguồn theo mô hình tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu chất thải; sử dụng hiệu quả nguồn nước sạch và các tài nguyên khác; tuân thủ các quy định; mức độ ảnh hưởng của các hành động gây ô nhiễm môi trường,...

– Xây dựng văn hoá ứng xử thân thiện với môi trường trên cơ sở đổi mới tư duy, cách làm, hành vi ứng xử, ý thức trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường trong xã hội và của mỗi người dân.

– Tổ chức, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của công tác tuyên truyền, mở rộng quy mô và đối tượng tiếp cận.

1. Quan sát hình 26 (trang 57), em có cảm nghĩ gì?

2. Đọc thông tin mục 2, em hãy cho biết: Ở Hải Dương, việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường như thế nào?



Hình 26. Rác ven đường



- 1** Trình bày tóm tắt các hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra.
- 2** Thu thập tư liệu và thông tin về hậu quả của ô nhiễm môi trường ở huyện/ thành phố/ thị xã em sống. Em làm gì để góp phần bảo vệ môi trường nơi em sống?
- 3** Hãy viết một thông điệp tuyên truyền bảo vệ môi trường ở địa phương.

CHỦ ĐỀ 5

TRUYỆN CỔ DÂN GIÀN HẢI DƯƠNG

MỤC TIÊU

- Nhận biết được một số đặc điểm và thành tựu của văn học dân gian Hải Dương trong mạch nguồn văn học dân gian Việt Nam và thế giới.
- Biết được một số văn bản truyện dân gian của tỉnh Hải Dương.
- Đọc hiểu được một số truyện cổ dân gian tiêu biểu ở Hải Dương; phân tích được mối liên hệ giữa một số truyện cổ dân gian với phong tục, tập quán, địa danh, nhân vật lịch sử, danh nhân văn hoá, sự kiện diễn ra trên đất Hải Dương.
- Yêu quê hương, trân trọng, tự hào và có ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá dân gian của Hải Dương.
- Rèn phát âm chuẩn tiếng Việt khi đọc, kể chuyện và nói.





KHÁI LƯỢC VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN HẢI DƯƠNG VÀ TRUYỆN CỔ DÂN GIAN HẢI DƯƠNG



Hải Dương là tỉnh nằm ở trung tâm vùng đồng bằng Bắc Bộ – vùng văn hoá lâu đời và tiêu biểu nhất của văn hoá truyền thống dân tộc. Với bề dày truyền thống lịch sử và văn hiến, Hải Dương được coi là một trong những cái nôi của văn hoá Việt, trong đó nổi bật là văn học dân gian với nhiều nét đặc trưng tiêu biểu.

1. Giới thiệu ngắn gọn về quê hương Hải Dương của em.
2. Trình bày hiểu biết của em về văn học dân gian (khái niệm, đặc trưng, các thể loại và đặc điểm các thể loại,...).



1 Văn học dân gian Hải Dương

Văn học dân gian Hải Dương đã được ghi nhận từ rất sớm, qua các công trình nghiên cứu của nhiều học giả như: Vũ Quỳnh (thế kỉ XV), Nguyễn Dữ (thế kỉ XVI), Phạm Đình Hổ (thế kỉ XVII – XVIII), Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Ngọc (thế kỉ XX),...

Tiếp tục công việc sưu tầm, biên soạn của các thế hệ cha ông đi trước, các nhà nghiên cứu văn hoá, văn nghệ dân gian Hải Dương đã cho ra đời các công trình như:

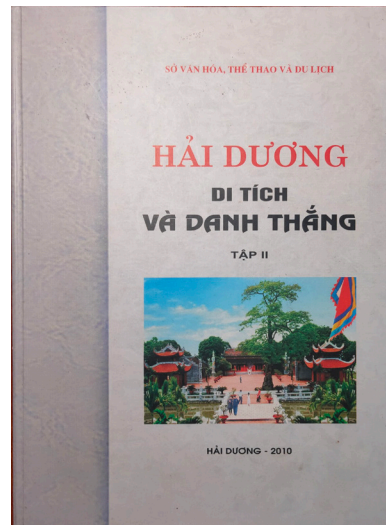
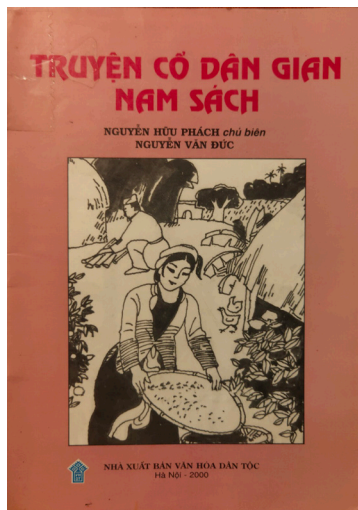
Hải Dương – Di tích và danh thắng (Tăng Bá Hoàn chủ biên);

Văn hoá dân gian Kinh Môn (Nguyễn Hữu Phách, Văn Duyệt);

1. Kể tên các công trình nghiên cứu/ tên sách về văn học dân gian Hải Dương.

2. Giới thiệu về một cuốn sách mà em đã đọc hoặc thích nhất.

Văn hoá dân gian làng Hoàng Xá (Nguyễn Long Nhiêm);
Truyện cổ dân gian Nam Sách (Nguyễn Hữu Phách chủ biên);
Truyện cổ dân gian Thanh Hà (Nguyễn Văn Đức chủ biên);
Đàn lợn vàng làng Hóp (Nguyễn Văn Đức);
Truyền thuyết về Kiếp Bạc; Côn Sơn – Sự tích và truyền thuyết (Ban Quản lý di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc);
Chuyện cũ Mộ Trạch; Ca dao và vè ở Hải Dương (Nguyễn Hữu Phách);
Đất và người huyện Bình Giang (Vũ Huy Phú);
Múa rối nước Hải Dương (Nguyễn Hữu Phách, Lê Thị Dự, Nguyễn Thị Ánh).



Hình 1. Một số công trình nghiên cứu về văn hoá, văn học dân gian Hải Dương

Văn học dân gian Hải Dương phong phú, đa dạng và tương đối đầy đủ các thể loại (trừ sử thi): truyện dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện thơ,...); thơ ca dân gian (ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè); sân khấu dân gian (chèo, tuồng, múa rối nước, ca trù, hát trống quân,...). Tuy nhiên, số lượng tác phẩm không đồng đều ở từng thể loại.

Bằng hiểu biết của mình, em hãy nêu một số đặc điểm của văn học dân gian Hải Dương (về thể loại; nội dung cơ bản; vị trí, giá trị).

Văn học dân gian Hải Dương phản ánh lịch sử hình thành của mảnh đất xứ Đông; đời sống tâm hồn, tình cảm, ước mơ của người dân; tấm lòng ngưỡng mộ, tôn thờ các nhân vật anh hùng, danh nhân văn hoá, những người đã đóng góp cho sự hình thành và phát triển của quê hương Hải Dương.

Trong mạch nguồn chung của văn học dân gian Việt Nam, văn học dân gian Hải Dương sớm được ghi nhận, liên tục phát triển, gắn liền với cuộc sống và đáp ứng các nhu cầu thẩm mĩ của người dân. Văn học dân gian Hải Dương không chỉ mang đặc trưng chung của văn học dân gian Việt Nam mà còn mang đậm dấu ấn, bản sắc, nét đẹp riêng của đất và người xứ Đông xưa, Hải Dương nay, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn học dân tộc.

2 Truyện cổ dân gian Hải Dương

Giá trị của văn học dân gian Hải Dương tập trung chủ yếu ở truyện cổ dân gian.

Thần thoại: Trong thần thoại của Hải Dương, lực lượng tự nhiên được thần linh hoá để giải thích một số hiện tượng tự nhiên, địa danh trên đất Hải Dương; đồng thời phản ánh khát vọng của con người về một cuộc sống bình an, tốt đẹp. “Thần” trong thần thoại thường là những nhân vật gần gũi với con người. Một số truyện tiêu biểu như: *Sự tích sông Kinh Thầy, Thần Trụ trời, Thầy đồ Đất làng Điền Trì,...*

Truyền thuyết: Truyền thuyết của Hải Dương thiên về ca ngợi những người anh hùng chống giặc ngoại xâm, chống áp bức bóc lột, hiến dâng đời mình cho quê hương đất nước. Hầu hết các đình, đền, miếu ở Hải Dương đều có thần tích mang dáng dấp truyền thuyết. Một số truyện tiêu biểu như: *Truyền thuyết Thiện Nhân – Thiện Khánh, Truyền thuyết về đền Bia,...*

1. Kể tên một truyện dân gian Hải Dương mà em biết. Truyện đó thuộc thể loại nào?

2. Nêu đặc trưng của từng thể loại truyện dân gian Hải Dương.

Truyện cổ tích: Truyện cổ tích Hải Dương là những câu chuyện tưởng tượng, với nhiều yếu tố kì ảo, thể hiện ước mơ, khát vọng của con người xứ Đông về cuộc sống bình yên, hạnh phúc; truyền thống nhân ái, yêu thương hoặc niềm tự hào về những địa danh của quê hương mình. Một số truyện tiêu biểu như: *Sự tích tháp Báo Ân, Sự tích đền Kiếp Bạc, Bến Rồng,...*



- 1** **Sưu tầm một số truyện cổ dân gian Hải Dương và sắp xếp theo thể loại.**
- 2** **Thảo luận về đặc điểm của truyền thuyết, thần thoại Hải Dương và hoàn thiện bảng sau:**

	Truyền thuyết	Thần thoại
Chủ đề		
Nhân vật		
Cốt truyện		
Lời kể		
Yếu tố kì ảo		

- 3** **Kết nối các truyện cổ dân gian Hải Dương với các truyện dân gian Việt Nam và thế giới theo nguyên tắc: cùng thể loại, cùng đề tài/ chủ đề/ mô-típ.**
- 4** **Tim đọc và chuẩn bị để giới thiệu về 1 truyện dân gian của Hải Dương.**



MỘT SỐ TRUYỆN DÂN GIAN HẢI DƯƠNG



1. Giới thiệu về một truyện dân gian của Hải Dương theo các gợi ý sau:

- Truyện thuộc thể loại nào?
- Nội dung của truyện là gì?
- Theo em, nội dung, chi tiết nào gắn với đặc sắc riêng của truyện dân gian Hải Dương?

2. Qua tìm hiểu của em, hãy cho biết:

- Em đã đến địa danh, di tích lịch sử, lễ hội nào gắn với truyện dân gian Hải Dương?
- Theo em, huyện/ thị xã/ thành phố nào của tỉnh có số lượng truyện cổ dân gian nhiều và đặc sắc nhất?



1 Đọc và tìm hiểu văn bản

VĂN BẢN 1

SỰ TÍCH SÔNG KINH THẦY

Chuẩn bị trước khi đọc:

1. Ôn lại khái niệm và đặc điểm của truyện *Thần thoại*.

2. Tìm hiểu cách đọc hiểu một văn bản truyện *Thần thoại*.

3. Tự đọc trước truyện *Sự tích sông Kinh Thầy* (chú ý: cốt truyện, sự kiện, nhân vật, yếu tố hoang đường kì ảo, ý nghĩa của truyện,...) và tìm đọc một số truyện dân gian khác.

4. Tìm hiểu, kết nối với kiến thức lịch sử, địa lí thị xã Kinh Môn nói riêng, Hải Dương nói chung.



Hải Dương là địa phương có nguồn văn học dân gian nói chung và truyện cổ nói riêng rất phong phú, đa dạng. Ở đâu trên mỗi tên đất, tên làng, mỗi hình sông, thế núi cũng đều có một câu chuyện cho chúng ta tìm hiểu, khám phá và tự hào. Trong đó, nơi có nhiều truyện cổ dân gian nhất là huyện Nam Sách, thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn, huyện Thanh Hà,...

Đọc văn bản:

Ngày xưa ngày xưa, ở một làng nọ có hai vợ chồng già rồi mà vẫn chưa có lấy một mụn con. Người chồng than trách kiếp trước ăn ở thế nào nên không được trời ban phúc. Còn người vợ đi hết chùa này đến chùa nọ cúng bái cầu mong.

Một hôm, người vợ đi chợ và gặp một cụ già rách rưới ăn xin. Tóc cụ đã bạc trắng. Động lòng trắc ẩn¹, người vợ cho cụ một cái bánh to và một tấm áo mới.

Ăn xong bánh, bà cụ mới bảo:

– Ta là tiên đây. Ta đã biết rõ ý nguyện của con. Con hãy nghe ta! Sáng mai, con vào núi ngắt lấy một bông hoa mang về, rồi con sẽ cầu được ước thấy. Khi sinh con, nhớ đặt tên nó là Kinh Thầy.

Nói xong, bà cụ biến mất.

Sớm hôm sau, người vợ vào núi theo lời tiên dặn. Bà gặp một cây hoa chỉ có một bông, mùi thơm ngào ngạt. Bà liền ngắt, đem về gối đầu giường.

Ít lâu sau, bà có mang, cũng là lúc người chồng qua đời. Bà sinh được một đứa con trai khôi ngô tuấn tú² và đặt tên là Kinh Thầy như lời tiên dặn.

Kinh Thầy sống với mẹ được hai mùa lúa thì mẹ mất. Chàng được một đạo sĩ³ đem về nuôi dạy. Không bao lâu, Kinh Thầy đã lớn khỏe, rất giỏi bắn tên. Con chim nhỏ bay cao tới đâu chàng cũng bắn trúng mỏ. Con sóc nhanh thế nào cũng không thoát khỏi khi chàng giương cung. Chàng còn biết cả phép thổi gió, dời núi, đào sông,...

Một hôm, đạo sĩ bảo Kinh Thầy:

– Gần đây có một con rồng đen đang phá phách dân làng. Nay con đã khôn lớn, con hãy ra tay trừ yêu quái.



Hình 2. Một khúc sông Kinh Thầy



¹Lòng trắc ẩn: sự cảm thông, thấu hiểu, niềm thương xót trước cảnh buồn khổ của người khác.

²Khôi ngô tuấn tú: (người con trai) có vẻ mặt đẹp, sáng sủa và thông minh.

³Đạo sĩ: người xuất gia tu hành; người có phép thuật thần tiên.

Nói rồi, đạo sĩ đưa cho Kinh Thầy thanh gươm thần. Kinh Thầy bịn rịn chia tay đạo sĩ, mang gươm thần, nhắm phương có rồng đen thẳng tiến. Chàng đi đến vùng Kinh Môn⁴ thì thấy xóm làng vắng tanh, ruộng nương xơ xác, hoang vu. Chàng vào mấy làng tìm, mãi chàng mới gặp một người đàn bà. Chàng hỏi tại sao không thấy dân làng, người đàn bà ấy trả lời:

– Ở đây có một con quái vật hung dữ. Mỗi ngày, nó bắt một người để ăn thịt. Dân làng vô cùng sợ hãi. Nhiều người đã phải bỏ đi.

Kinh Thầy nghe vậy, ruột nóng như lửa. Chàng bảo:

– Giờ nó ở đâu? Tôi sẽ đi giết nó, trừ tai họa cho dân làng.

Người đàn bà buồn rầu đáp:

– Nó đã lấp hết sông rồi, dân làng đang thiếu nước nghiêm trọng. Muốn gặp nó thì phải làm cho dân làng có nước để nấu cơm. Khi nào thấy khói, nó mới lần đến.

“Chưa có nước đun nấu thì ta phải tạo ra khói”. Nghĩ vậy, Kinh Thầy liền đốt một đống lửa to. Lửa cháy cạn nước các ao hồ còn sót lại trong vùng. Dân làng thấy thế liền hò nhau ra dập lửa để giữ nguồn nước sinh hoạt còn quá ít ỏi. Kinh Thầy ngăn họ lại và giải thích cho họ hiểu. Chàng dùng phép dựng một bức tường cao ngăn lửa để bảo vệ mọi người. Lửa vẫn cháy. Khói bốc cao hơn cả núi, che kín cả Mặt Trời nhưng mọi người vẫn an toàn. Mệt mỏi, Kinh Thầy dùng tay lau mồ hôi.

Đúng lúc ấy, từ phương bắc, một con rồng đen lao đến. Gió nổi lên ầm ầm, cây cối ngã nghiêng. Kinh Thầy liền vung gươm. Đường gươm dựng thành cầu vồng sáng rực. Chàng vung gươm bốn phía, gió tắt ngấm tức thì. Rồng đen bị nhốt trong một cái lồng vô hình. Nó giãy giụa, phun lửa tứ tung. Lửa bốc cháy quanh thân chàng. Người chàng đỏ rực như sắt nung. Kinh Thầy làm phép gọi mưa đến. Mưa liền ập xuống ầm ầm. Nước mưa không ngọt mà mặn như muối. Nước mưa xối vào mắt rồng đen. Xót quá, nó nhắm nghiền mắt lại. Nó chưa kịp mở mắt thì Kinh Thầy đã giương cung bắn. Mỗi phát chàng bắn, hàng nghìn mũi tên lao ra. Nhưng các mũi tên đều quần lại vì rồng đen có bộ vảy rắn như sắt. Kinh Thầy phù phép cho mưa thốc từ đuôi rồng lên. Rồng quay chiều nào, mưa xoay chiều ấy. Mỗi hạt mưa như một nhát dao làm xòe hết bộ vảy rồng đen... Nó quãy dữ dội để cụp lại



⁴Kinh Môn: một thị xã nằm ở phía đông bắc tỉnh Hải Dương.

nhưng không được. Hàng nghìn mũi tên đã cắm vào trong các vảy của nó. Rồng đen vùng vẫy, phá được lồng. Nó liền tung hàng vạn con rắn độc để đánh lại Kinh Thầy. Chàng vùng guom chặt từng đầu rắn.

Chiến đấu đến ngày thứ ba, Kinh Thầy mệt lử, cổ rất khô. Bỗng nhiên có một quả đào bay đến. Chàng đón lấy ăn. Ăn xong, chàng khoẻ hẳn ra, lại tiếp tục đánh rồng đen.



Đến ngày thứ năm, chàng bắn tên trúng mắt rồng. Rồng đen gục xuống. Nhanh như cắt, chàng chém đứt đầu, rồi chém thân nó thành hai khúc. Chàng mệt lả, ngủ thiếp đi.

Tỉnh dậy, chàng thấy dân làng vây kín xung quanh. Bà con mang đến cho chàng rất nhiều thức ăn, nhưng toàn là đồ nướng, vì lâu nay không còn nước. Nhớ ra là rồng đen đã lấp hết sông ngòi, chàng bèn vươn vai, lấy tay làm mai xấn xuống đất, xẻ ra thành dòng sông lớn vòng vào để cho làng nào cũng có nước dùng. Nhân dân các làng vô cùng mừng rỡ. Họ đặt tên cho dòng sông là sông Kinh Thầy⁵ để ghi nhớ công ơn chàng.



⁵ Sông Kinh Thầy: còn gọi là Kinh Thày, nối thông giữa sông Thái Bình với các sông vùng Đông Bắc, có chiều dài 44,5 km.

Nơi rồng đen ngả xuống làm thành một dải núi dọc thị xã Kinh Môn ngày nay. Đỉnh núi An Phụ⁶ cao nhất là mặt rồng. Hai mắt rồng thành hai cái giếng. Một mắt bị tên bắn trúng nên giếng này nước đục quanh năm.

(Theo *Truyện cổ dân gian Nam Sách* – Nguyễn Hữu Phách chủ biên)



⁶*Núi An Phụ*: dãy núi nằm ven sông Kinh Thầy, cách thành phố Hải Dương khoảng 30 km theo hướng đông bắc, chạy qua 10 xã/phường của thị xã Kinh Môn.



Hình 3. Giếng Ngọc (Đền Cao An Phụ)

Tìm hiểu văn bản sau khi đọc:

1. Truyện *Sự tích sông Kinh Thầy* có mấy nhân vật? Ai là nhân vật chính? Hãy kể những việc mà nhân vật chính đã làm để giúp dân làng.

2. Tìm và chỉ ra các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện *Sự tích sông Kinh Thầy*. Em thích nhất chi tiết nào? Vì sao?

3. Truyện *Sự tích sông Kinh Thầy* có liên quan đến địa danh, sự kiện nào diễn ra trên đất Hải Dương?

4. Nêu ý nghĩa của truyện *Sự tích sông Kinh Thầy*.



Hình ảnh sông Kinh Thầy xuất hiện rất nhiều trong thơ ca, nhạc, hoạ.

*Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi đắng cay...*
(Trần Đăng Khoa)

*Kinh Môn đất tốt xanh màu
Kinh Thầy sóng vỗ không đâu sánh bằng.*
(Vũ Hà Nguyên)

VĂN BẢN 2

TRUYỀN THUYẾT VỀ YẾT KIỀU

Chuẩn bị trước khi đọc:

1. Ôn lại khái niệm Truyền thuyết, phân biệt *Truyền thuyết* với *Thần thoại*.
2. Tìm hiểu cách đọc hiểu một văn bản truyền thuyết dân gian.
3. Tự đọc trước văn bản (chú ý: sự kiện, nhân vật, thời kì, sự thật lịch sử, yếu tố hoang đường kì ảo, quan niệm của nhân dân về người anh hùng chống giặc ngoại xâm,...)
4. Tìm hiểu, kết nối với kiến thức lịch sử, địa lí về huyện Gia Lộc, xã Yết Kiêu, đền Quát và Lễ hội đền Quát,...

Đọc văn bản:

Yết Kiêu¹ tên thật là Phạm Hữu Thế. Ông mồ côi cha từ nhỏ nên sớm phải lăn lộn với sông nước để kiếm sống và nuôi mẹ.

Năm 15 tuổi, thấy hai con trâu trắng ở bờ sông đánh nhau, ông dùng đòn gánh đánh trâu. Trâu bỏ chạy, ông nhặt được hai cái lông trâu. Ông đặt lông trâu xuống nước, nước rẽ làm đôi. Biết là lông trâu thần, ông nuốt vào bụng. Từ đó, ông có thân thể cường tráng, trí lực phi thường, bơi lặn dưới nước như đi trên bờ.





¹*Yết Kiêu*: (1242–1301): Tên thật là Phạm Hữu Thế (có tài liệu ghi là Nguyễn Hữu Thế). Đây là một danh tướng tài đức song toàn, người anh hùng có công giúp nhà Trần chống giặc Nguyên Mông vào thế kỉ XIII. Ông có tài bơi lặn rất giỏi, đã đục đắm nhiều thuyền giặc.

²*Trần Hưng Đạo*: còn được gọi là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn – nhà chính trị quân sự lỗi lạc thời nhà Trần, được công nhận là một trong 10 vị tướng tài trên thế giới.

³*Đền Quát*: nằm ở làng Quát (tức Hạ Bì xưa), xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, vốn là một làng chài ở tả ngạn sông Đáy. Đây là nơi thờ Yết Kiêu. Lễ hội đền Quát là lễ hội độc đáo và hấp dẫn, được tổ chức từ mồng 10 đến 20 tháng Giêng (Lễ hội mùa xuân) và từ ngày 14 đến 16 tháng 8 âm lịch (Lễ hội mùa thu). Lễ hội đền Quát được ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể Quốc gia.

Do có tài bơi lặn, ông được Trần Hưng Đạo trọng dụng, đổi tên là Yết Kiêu. Yết Kiêu lập nhiều chiến công trong công cuộc chống quân Nguyên xâm lược.

Tương truyền, những lần đánh giặc trên sông, có một loài cá thường phù giúp ông, đưa ông vào bờ khi ông đuối sức. Lại có lần bị giặc đuổi rất gần, ông nhảy vào một bụi rậm ở bờ sông, một con cáo thấy động, nhảy vọt ra. Giặc mãi nhìn con cáo nên ông thoát nạn. Người đời sau cho rằng, cá và cáo là hai vật âm phù dương trợ cho Yết Kiêu.

Để ghi công đó, người dân đã chế tác hình tượng cá hoá long và cáo có hình dáng kì lân ngậm ngọc để thờ ở đền Quát³ (Gia Lộc).

(Nguồn: *Địa chí Hải Dương, tập III*)



Hình 4. Đền Quát – Đền thờ Yết Kiêu
(xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc)

Tìm hiểu văn bản sau khi đọc:

1. Xác định nhân vật chính của truyện. Nhân vật đó gắn với nhân vật lịch sử/ danh tướng nào đời Trần trên quê hương Hải Dương?
2. Xác định chủ đề của truyện. Truyện *Truyện thuyết về Yết Kiêu* có cùng chủ đề với truyện thuyết nào trong chương trình Ngữ văn 6?
3. Tìm và chỉ ra các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện. Em thích nhất chi tiết nào? Vì sao?
4. Nêu ý nghĩa của truyện *Truyện thuyết về Yết Kiêu*.

2 Đọc kết nối, mở rộng

THẦY ĐỒ ĐẤT LÀNG ĐIỀN TRÌ

Làng Diên Trì thuộc xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách có một gia đình bốn đời liên tiếp đều học hành thành đạt: Trần Thọ là ông, Trần Cảnh là bố, Trần Tiến là con và Trần Trọng là cháu. Phải có thầy đồ tài cao học rộng mới đào tạo ra những học trò như thế. Cho nên, ở Diên Trì, người ta đồn rằng có một thầy đồ tuyệt vời – thầy đồ Đất.

Học trò thầy đồ Đất là trời, là trăng, là cây, là nước, ... Thầy đồ Đất rất hay chữ nhưng cũng rất dữ đòn. Lúc đầu, thầy cho trời và trăng cùng ngồi một chiếu. Tuy nhiên, hai trò này lại học ít, chơi nhiều nên thầy cho mỗi người một trận đòn và chia ra hai lớp khác nhau.

Trời tìm bạn mới kết thân. Trong số học trò cùng lớp, trời thân với cây. Cây giúp trời học hành sáng láng. Mỗi chữ ghi trên một lá, cây hướng mặt lá cho trời nhắm. Cây khát nước, trời đem mây đến che mát, rung cho nước mưa rơi để tưới cây. Trời gặp buổi khó ở, rền rĩ sấm chớp thì cây ngả nghiêng quay cuồng. Giông bão nổi lên dừng dừng nhưng tan cơn bão, trời lại cho mưa dầm cây. Cây càng ngày càng cao lớn như vươn lên tới tận trời. Còn trời toả ánh nắng xuống xoa ấm từng lộc non, chồi biếc. Trời với cây hợp nhau và đều học hành tấn tới.

Trăng bị tách xa với trời, trăng cũng đi tìm bạn. Bạn gần có sao nhưng sao bé nhỏ quá, không sáng dạ như trăng. Trăng tìm đến với nước và trở thành bạn thân, không rời nhau nửa bước. Trăng lên là đến với nước. Chỉ cần một chậu nước, đã thấy trăng nằm gọn ở trong. Trăng tròn đêm rằm, nước sáng menh mông mặt đất. Lúc nào trăng lặn, mặt nước cũng buồn vì tối tăm. Khi gặp lại nhau, chúng vui mừng khôn xiết. Mặt nước lung linh cười, trăng cũng lấp lánh muôn ánh vàng. Trăng càng tỏ, nước càng sáng

như gương. Cả hai cứ thế mà giúp nhau học chữ thầy đồ.

Khi bốn trò học hành đã thành đạt, thầy đồ Đất mới gọi lại, giao việc cho từng trò. Trời được cầm cây đèn lớn, trăng mang cây đèn bé, hai trò thay nhau thắp sáng đêm ngày để thầy đồ Đất tiếp tục dạy học. Cây và nước được thầy cho rải hoa khắp nơi, có nước thì có cây, cây xanh thì nước mát... Thầy cấm nước không được đùa dai, dâng nước cao lên làm ngập úng cây hoặc chơi trò ú tim làm cây không còn giọt nước mát... Trời và trăng thua với thầy rằng chúng giữ đèn thế này hoá ra chẳng bao giờ được gần nhau. Thầy bảo: “Thỉnh thoảng, ta sẽ cho hai trò gặp nhau. Gặp nhau ban đêm là nguyệt thực, còn ban ngày là nhật thực”. Thầy dặn: “Không phải là thực ăn giảng đâu nhé! Gặp nhau ít phút rồi lại kẻ nào việc ấy. Thế mới xứng đáng là học trò thầy đồ Đất!

(Theo *Truyện cổ dân gian Nam Sách* – Nguyễn Hữu Phách chủ biên)

TRUYỀN THUYẾT THIỆN NHÂN – THIỆN KHÁNH

Thiện Nhân – Thiện Khánh quê ở làng Thời Cử, tổng Tuyển Cử, huyện Bình Giang, là con cầu tự. Lớn lên, hai bà chăm rèn luyện võ nghệ, tài trí hơn người. Khi Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa, Thiện Nhân, Thiện Khánh hô hào nhân dân trong vùng rèn vũ khí, góp quân lương, cùng đứng lên đánh đuổi Tô Định. Được cử làm hai nữ tướng, Thiện Nhân, Thiện Khánh xuất quân, đánh đâu thắng đấy, góp phần thu lại 65 thành trì. Nước nhà độc lập, Trưng Nữ Vương phong cho hai bà là Hoàng Bá Nhập Nội Công Nương, cho đóng quân ở Huề Trì Trang.

Ba năm sau, Mã Viện đem quân sang xâm lược nước ta. Hai nữ tướng chiến đấu anh dũng. Song thế giặc mạnh, hai bà phải lui quân, về tới Huề Trì thì phong ba bão táp nổi lên tối tăm trời đất. Đây là lúc hai bà hoá về trời.

Khi trời quang mây tạnh, một gò đồng mối xông nổi lên. Nhân dân xây miếu thờ tại đây. Hai bà được tôn làm Thành Hoàng làng Huề Trì.

(Nguồn: *Địa chí Hải Dương, tập III*)

THẦN TRỤ TRỜI

Chuyện kể rằng: Thuở trời đất còn hỗn mang, ở vùng Kinh Môn xuất hiện một vị thần khổng lồ. Thần đào đất, khuôn đá, đắp lên một cái cột vừa to vừa cao. Cột cao tới đâu, trời nâng dần lên đến đấy. Khi trời đã lên đến đỉnh mây xanh, thần mới phá cột, ném đất đá lung tung đi khắp nơi thành gò, đồng, núi, đồi trên mặt đất. Nơi thần đào sâu thì thành biển cả. Vết tích cột trụ đó là ở núi Thanh Môn thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Nguồn: *Địa chí Hải Dương, tập III*)

TRUYỀN THUYẾT VỀ ĐỀN BIA

Tuệ Tĩnh tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, quê ở Nghĩa Phú, lớn lên trụ trì ở chùa Giám. Ông có tài dùng thuốc nam chữa bệnh cứu người.

Đại y thiển sư Tuệ Tĩnh được triệu sang Trung Quốc chữa bệnh cho hoàng hậu nhà Minh. Ông bị giữ lại Trung Quốc, khi qua đời không được đưa về quê.

Sau này, Tiến sĩ Nguyễn Danh Nho đi sứ. Ông dập lại tấm bia mộ Tuệ Tĩnh và thuê khắc lại để thờ tại Đền Bia (huyện Cẩm Giàng). Nhân dân khắp nơi nô nức đến Đền Bia, khẩn vái xin thuốc về chữa bệnh.



Ngày nay, Đền Bia vừa là di tích lịch sử văn hoá, vừa là một trung tâm bắt mạch, kê đơn, chữa bệnh bằng đông y theo phương châm "thuốc Nam chữa bệnh người Nam". Cách chữa bệnh này là do Tuệ Tĩnh khởi xướng.

(Nguồn: *Địa chí Hải Dương, tập III*)

Hình 5. Đền Bia

(xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng)



1 Thực hành đọc văn bản

a) Đọc lại truyện *Sự tích sông Kinh Thầy* và *Truyện thuyết về Yết Kiêu*, chú ý phát âm đúng chuẩn các tiếng có phụ âm l/ n, tr/ ch, s/ x,...

– Theo em, nhiều người Hải Dương thường mắc lỗi phát âm nào? Nêu tác hại của việc phát âm lệch chuẩn.

– Làm thế nào để khắc phục các lỗi phát âm đó?

b) Tìm trong truyện *Sự tích sông Kinh Thầy* và *Truyện thuyết về Yết Kiêu*:

– Các từ và tổ hợp từ bắt đầu bằng các phụ âm l/ n, tr/ ch, s/ x.

– Sắp xếp các từ vừa tìm theo các nhóm: từ đơn, từ ghép, từ láy, thành ngữ.

– Đọc nhanh các từ và tổ hợp từ đó theo đúng nguyên tắc phát âm chuẩn.

c) Luyện đọc các truyện cổ dân gian Hải Dương trong mục *Đọc kết nối, mở rộng*.

– Đọc rõ ràng, lưu loát, đúng chuẩn tiếng Việt.

– Đọc diễn cảm.

2 Thực hành kể chuyện

– Kể lại truyện *Sự tích sông Kinh Thầy* bằng lời của em.

– Kể lại *Truyện thuyết về Yết Kiêu* theo cách của em.

– Kể lại một truyện dân gian Hải Dương mà em yêu thích nhất.

3 Thực hành viết

– Viết một bài văn ngắn kể lại truyện *Sự tích sông Kinh Thầy* hoặc *Truyện thuyết về Yết Kiêu*.



Muốn kể lại một truyện dân gian cần:

– Tìm hiểu, nắm chắc cốt truyện/ sự việc chính, nhân vật, chi tiết, hình ảnh quan trọng, có ý nghĩa.

– Chú ý cách kể, giọng kể kết hợp cách biểu cảm (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp với nội dung câu chuyện.

– Có thể sử dụng thiết bị hỗ trợ (kể chuyện bằng tranh, ảnh, video,...)

– Viết bài văn ngắn kể lại một truyện dân gian Hải Dương trong phần *Đọc kết nối, mở rộng*.

4 Tiếp tục sưu tầm, tìm hiểu thêm các truyện dân gian Hải Dương.

(Chú ý một truyện có thể có các bản kể khác nhau)

5 Viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) giới thiệu, nêu suy nghĩ của em về một hình ảnh hoặc chi tiết trong truyện cổ dân gian Hải Dương mà em ấn tượng nhất.

6 Vẽ tranh/ chuyển thể truyện và biểu diễn

– Tưởng tượng và vẽ tranh minh họa chân dung Yết Kiêu, Kinh Thầy hoặc một nhân vật trong truyện cổ dân gian Hải Dương mà em thích nhất.

– Chọn một chi tiết, sự việc tiêu biểu, đặc sắc nhất trong một truyện cổ dân gian Hải Dương mà em thích để vẽ. Đặt tên cho bức tranh của em.

– Chọn, chuyển thể một đoạn/ một truyện dân gian ở địa phương thành tiểu phẩm (kịch, thơ) và biểu diễn.

7 Trải nghiệm

– Thi tìm hiểu và kể về một truyện dân gian Hải Dương.

– Tham quan, học tập tại một số địa danh, di tích lịch sử gắn với truyện dân gian Hải Dương (sông Kinh Thầy, Núi An Phụ, Đền Quát, Đền Bia, Côn Sơn, Kiếp Bạc, Đền Thầy, Đền Bà chúa Sao Sa,...).

– Viết thu hoạch trình bày cảm nhận của em về giá trị tinh thần to lớn của một hoặc một số truyện cổ dân gian Hải Dương.

– Tập làm hướng dẫn viên du lịch: Giới thiệu về một di tích lịch sử, một địa danh hoặc lễ hội liên quan đến truyện dân gian ở quê em.

Thuật ngữ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Di cốt	xương người hoặc xương động vật còn để lại trong lòng đất	6
Di tích	dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất, trên mặt đất hoặc dưới mặt nước, có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử	5
Di vật	những hiện vật quá khứ tìm được qua điều tra, nghiên cứu lịch sử	5
Đa dạng sinh học	sự phong phú về nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái	41
Gió mùa	loại gió thổi theo mùa trên những vùng rộng lớn của các lục địa Á, Phi và Ôxtrâyliia	26
Hào trưởng	người có quyền lực lớn nhất trong một địa phương ở nông thôn thời phong kiến	15
Karst (Cac-xơ)	loại địa hình độc đáo hình thành trong các lớp đá vôi	30
Ô nhiễm môi trường	sự thay đổi tính chất của môi trường, vi phạm tiêu chuẩn môi trường	47
Sách đỏ	sách ghi danh mục các động vật quý, hiếm còn sót lại (của thế giới, quốc gia,...) cần được bảo vệ	41
Thiên tai	sự thay đổi đột ngột, dữ dội của tự nhiên có tác động xấu đến điều kiện tự nhiên và môi trường, gây thảm hoạ cho đời sống con người	55
Tín ngưỡng	niềm tin của con người, được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng	16
Tuyệt táng	đồ vật được chôn theo với người chết theo phong tục thời xưa	19
Văn hoá bản địa	văn hoá của một cộng đồng, một dân tộc trong một địa phương, khu vực, vùng, miền nhất định	20
Vùng nội chí tuyến	vùng nằm giữa hai đường chí tuyến Bắc và Nam của Trái Đất (23°23'B – 23°23'N)	33

*Trong sách có sử dụng một số hình ảnh của các nhiếp ảnh gia.
Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các Sở, Ban, Ngành, Hội, các trường phổ thông
trên địa bàn tỉnh Hải Dương.*

Ảnh bìa: Văn Miếu Mao Điền (huyện Cẩm Giàng)

Bản quyền thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

**TỈNH
HẢI DƯƠNG**



Mã số: ...

In ... bản, (QĐ 192) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Cơ sở in: ...

Số ĐKXB: ...

Số QĐXB: ...

Mã số ISBN: ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm ...